



TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VIỄN THÔNG PETROLIMEX

Tài liệu
HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
QUẢN LÝ CHI PHÍ TẠI CHXD TRÊN EGAS & TÍCH HỢP SAP

HÀ NỘI, T09/2018

BẢN GHI NHẬN THAY ĐỔI

*T - Thêm mới S - Sửa đổi X - Xoá

Ngày thay đổi	Mục, bảng, sơ đồ được thay đổi	Lý do	T* S X	Mô tả thay đổi	Phiên bản mới
01/09/2018		Viết mới	T*		2.0
30/05/2020	5.1	Sửa đổi	S	Được phép chỉnh sửa định mức chi phí các chỉ tiêu đã được phân bổ và ghi lại history các lần chỉnh sửa	3.0
30/05/2020	5.2	Bổ sung	T	Bổ sung chức năng nhập Biên lai, biên nhận cho các chứng từ chi phí bất thường - BK10	3.0
30/05/2020	8	Bổ sung	S	Các báo cáo có bổ sung BK10	3.0
30/05/2020	7.1	Bổ sung	S	Tích hợp thêm chứng từ BK10	3.0
30/09/2020	5.2	Sửa đổi	S	Bổ sung diễn giải chi tiết cho các chỉ tiêu chi phí: Cập nhật thông tin diễn giải tại các chứng từ kê khai chi phí (BK3, BK5, BK9, BK10):	4.0
30/09/2020	8.8	Sửa đổi	S	- Tab "Hoá đơn VAT: Bỏ cột diễn giải - Cập nhật diễn giải tại Tab "Phân kê chi phí"	4.0
	8.9			Bổ sung diễn giải chi tiết cho các chỉ tiêu chi phí tại báo cáo: - Bảng kê chứng từ thanh toán – VP - Bảng kê chứng từ thanh toán- CH	
30/09/2020	7.3	Sửa đổi	S	Thông tin "Diễn giải": ưu tiên lấy "diễn giải" chi tiết từng chỉ tiêu. Nếu không cập nhật chi tiết thì lấy diễn giải tổng cập nhật ở "Ghi chú"	4.0
30/09/2020	7.4	Sửa đổi	S	Thông tin "Diễn giải": ưu tiên lấy "diễn giải" chi tiết từng chỉ tiêu. Nếu không cập nhật chi tiết thì lấy diễn giải tổng cập nhật ở "Ghi chú"	4.0
30/09/2020	8.8	Sửa đổi	S	Không cho phép sửa trường Loại hình kinh doanh, Hạng mục phí chứng từ hóa đơn đầu vào đối với các chứng từ BK3, BK5, BK9, BK10	4.0

Ngày thay đổi	Mục, bảng, sơ đồ được thay đổi	Lý do	T* S X	Mô tả thay đổi	Phiên bản mới
20/11/2021	5.2	Bổ sung	S	- Tạo mới mức thuế suất 3.5% và 7% ở danh mục biểu thuế suất. - Chặn lưu chứng từ khi nhập trùng "Mẫu HĐ-Số xê ri", "Số hóa đơn", "Loại hóa đơn" ở Tab "Hóa đơn giá trị gia tăng". - Cho phép tạo nhiều chứng từ trùng "Mẫu HĐ-Số xê ri", "Số hóa đơn" nhưng khác "Loại hóa đơn" (thuế suất).	5.0
20/1/2022	8.8	Chỉnh sửa	S	Bổ sung cột Loại hình kinh doanh, Hạng mục phí trên báo cáo	5.0
09/02/2022	5.2	Bổ sung	S	Bổ sung thêm mức thuế 8% ở các chứng từ hóa đơn chi phí đầu vào BK3,BK9	6.0
18/6/2024	8.9	Chỉnh sửa	S	Bảng kê chứng từ thanh toán- CH: Bổ sung cột "Mã FDA" sau cột Chứng từ/Loại: Lấy dữ liệu mã tham chiếu FDA	6.0
30/07/2025	5.2	Chỉnh sửa	S	Sửa theo nội dung Nghị định 70/2025/ND-CP: - Bổ sung trường “Ngày ký số” trên màn hình nhập Hóa đơn chi phí trong định mức và Hóa đơn chi phí bất thường.	7.0
30/07/2025	2	Chỉnh sửa	S	Sửa theo nội dung Nghị định 70/2025/ND-CP: - Để đủ điều kiện khấu trừ thuế GTGT theo quy định của ND70, nội dung “Chi phí thanh toán hàng tháng của CHXD” tại CHXD sẽ không chỉ trực tiếp từ nguồn tiền bán hàng, mà sẽ chuyển thành tạm ứng tại VP Cty/CN	7.0

MỤC LỤC

1.	Tổng quan.....	6
1.1.	Mục đích.....	6
1.2.	Ý nghĩa các hình trên hình vẽ.....	6
1.3.	Các thuật ngữ và viết tắt.....	6
2.	Quy trình thực hiện của hệ thống.....	7
2.1.	Sơ đồ xử lý.....	7
2.2.	Quy trình thực hiện trên hệ thống.....	7
3.	Cấu hình.....	8
3.1.	Loại hình kinh doanh.....	8
3.2.	Khoản mục chi phí khoán.....	9
3.3.	Hạng mục chi phí khoán.....	9
3.4.	Đơn vị tính khai báo chi phí.....	10
3.5.	Chỉ tiêu chi phí khoán.....	10
3.6.	Đối tượng chi phí.....	13
3.7.	Gán chỉ tiêu chi phí cho đối tượng chi phí.....	13
3.8.	Phân loại Cửa hàng.....	15
4.	Thiết lập Master Data.....	15
4.1.	Kỳ Quyết toán.....	15
4.2.	Kỳ Thanh toán.....	16
4.3.	Gán kỳ thanh toán cho Cửa hàng.....	17
5.	Xử lý chứng từ chi phí.....	18
5.1.	Giao chi phí khoán cho Cửa hàng.....	18
5.2.	CH kê khai chứng từ chi phí.....	22
5.3.	CH gửi Đề nghị phê duyệt chi phí.....	33
5.4.	Phê duyệt chi phí cho Cửa hàng.....	34
6.	Tích hợp SAP.....	36
6.1.	Nguyên tắc map giữa EGAS và SAP.....	36
6.2.	Khai báo bảng Map tích hợp.....	36
6.3.	Kết xuất dữ liệu ra hệ thống trung gian.....	38
6.4.	View dữ liệu kết xuất.....	40
7.	Khai thác báo cáo.....	42
7.1.	Bảng tổng hợp trạng thái phê duyệt theo CH.....	43
7.2.	Bảng tổng hợp trạng thái phê duyệt theo CH-KMP.....	43
7.3.	Bảng kê tổng hợp số tiền chi phí theo CH.....	43
7.4.	Bảng kê tổng hợp số tiền chi phí theo CH-KMP.....	44
7.5.	Bảng kê tổng hợp số tiền chi phí theo KMP-CH.....	44
7.6.	Bảng đề nghị thanh toán.....	45
7.7.	Bảng đề nghị thanh toán- Tổng chỉ tiêu.....	46
7.8.	Bảng kê chứng từ thanh toán - VP.....	46
7.9.	Bảng kê chứng từ thanh toán - CH.....	47
7.10.	Tổng hợp tình hình định mức chi phí.....	47
7.11.	Bảng kê chi tiết chi phí khoán đã quyết toán.....	48

7.12.	Bảng kê tổng hợp chi phí khoán đã quyết toán.....	48
7.13.	Bảng kê tổng hợp chi phí	48
7.14.	Các báo cáo tích hợp	49
8.	Các câu hỏi thường gặp	49
8.1.	Danh sách các quyền để thực hiện các chức năng tại phân hệ chi phí	49
8.2.	Cách tạo một chỉ tiêu chi phí mới từ một chỉ tiêu chi phí có sẵn	49
8.3.	Mối quan hệ giữa Kỳ quyết toán và Kỳ thanh toán.....	50
8.4.	Cách tạo một Kỳ thanh toán mới từ một Kỳ thanh toán có sẵn.....	51
8.5.	Giao chi phí khoán theo chỉ tiêu tổng nhưng thanh toán theo từng khoản chi tiết thì thực hiện như thế nào?	51
8.6.	Cách thực hiện giao chi phí bằng cả Excel và Load định mức kỳ trước	53
8.7.	Mở kỳ kế toán riêng cho các chứng từ chi phí	53

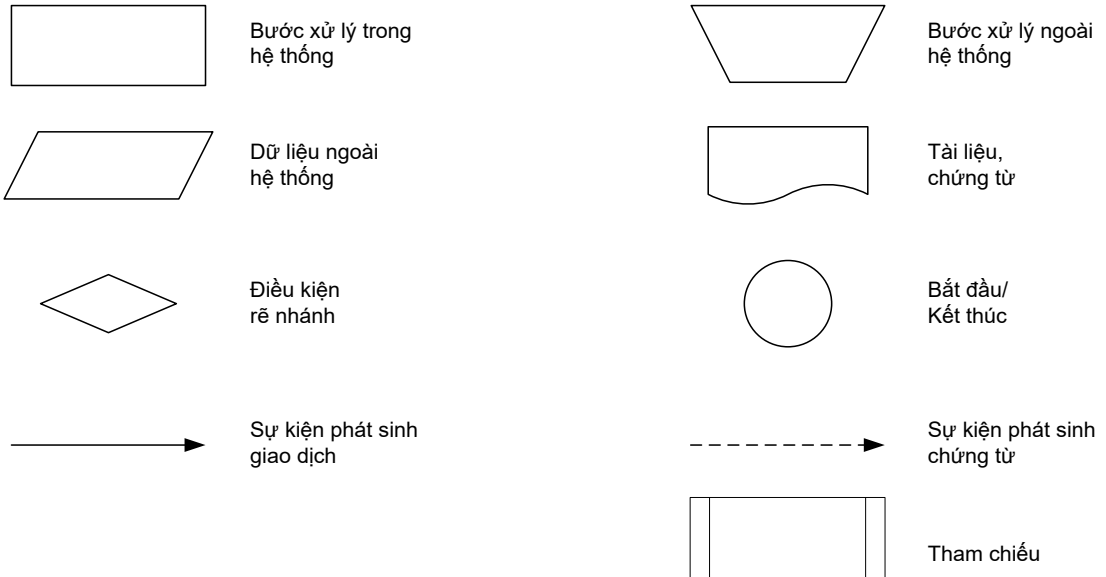
1. TỔNG QUAN

1.1. Mục đích

Hướng dẫn sử dụng hệ thống Quản lý chi phí trên hệ thống Egas

- Các bước cấu hình hệ thống chi phí
- Thiết lập sử dụng hệ thống cho 1 cửa hàng

1.2. Ý nghĩa các hình trên hình vẽ

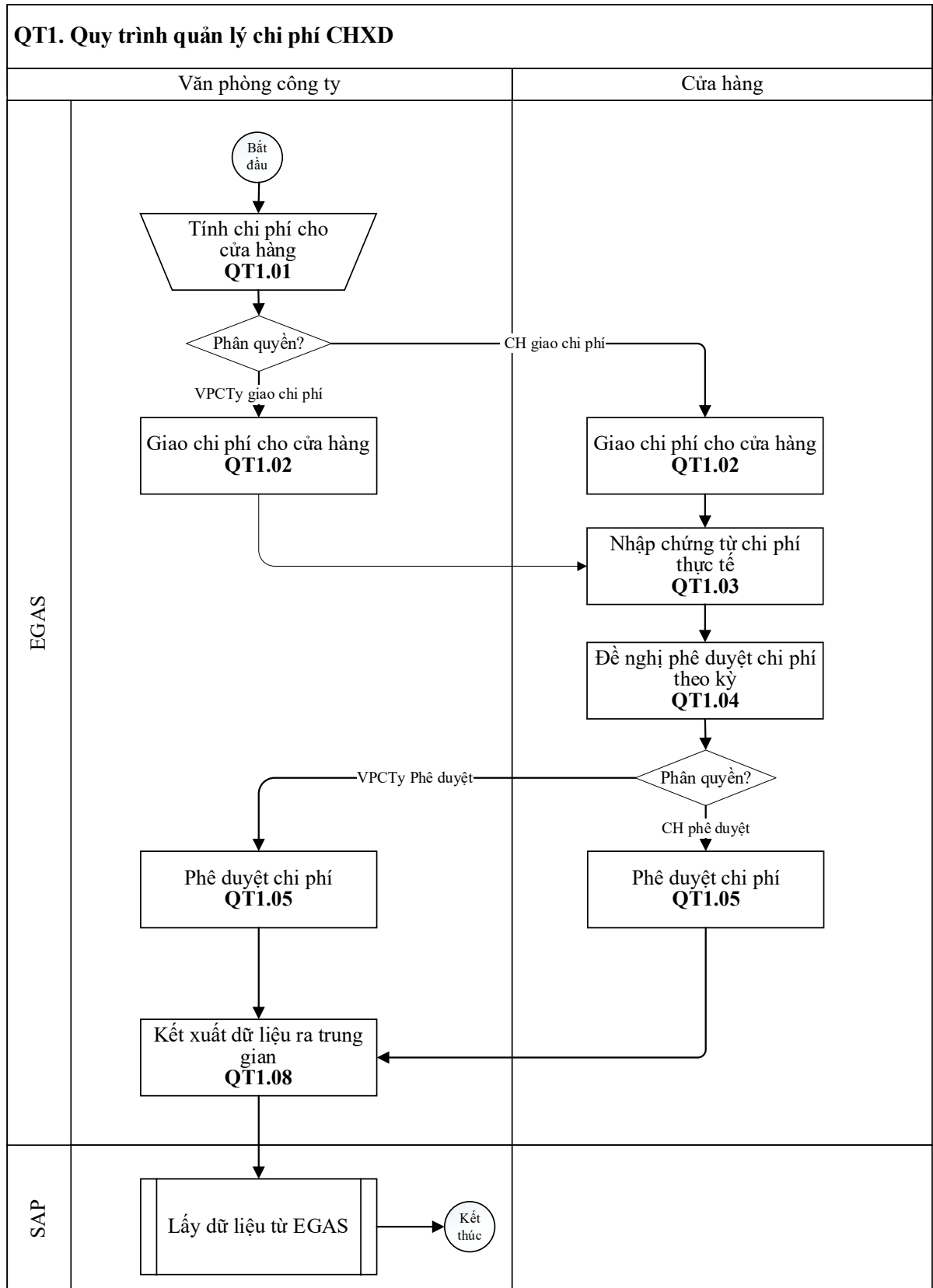


1.3. Các thuật ngữ và viết tắt

STT	Thuật ngữ/ Từ viết tắt	Diễn giải
1.	VPTĐ	Văn phòng Tập đoàn xăng dầu Việt Nam
2.	PIACOM	Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex
3.	VPCTy	Văn phòng công ty
4.	CHXD	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu
5.	EGAS	Phần mềm quản lý cửa hàng bán lẻ xăng dầu
6.	SAP	Phần mềm SAP ERP
7.	CP	Chi phí
8.	HĐ	Hóa đơn
9.	ĐVT	Đơn vị tính
10.	LHKD	Loại hình kinh doanh
11.	KMP	Khoản mục chi phí
12.	HMP	Hạng mục phí

2. QUY TRÌNH THỰC HIỆN CỦA HỆ THỐNG

2.1. Sơ đồ xử lý



2.2. Quy trình thực hiện trên hệ thống

Bước 1: VPCTy khai báo Cấu hình hệ thống

Bước 2: VPCTy khai báo Master Data

Bước 3: Xử lý chứng từ Chi phí

- VPCTy/CH thực hiện Giao chi phí khoán cho CH theo kỳ Quyết toán
- CH thực hiện nhập Chứng từ chi phí theo kỳ thanh toán. Gửi Đề nghị phê duyệt chi phí lên VPCTy
- VPCTy/CH thực hiện phê duyệt chi phí theo chứng từ chi phí CH kê khai

Bước 4: VPCTy thực hiện kết xuất dữ liệu tích hợp SAP

Lưu ý:

- Kỳ Quyết toán, Kỳ Thanh toán được khai báo theo khoảng thời gian Từ ngày, Đến ngày.
 - o Kỳ quyết toán là kỳ giao định mức cho các chỉ tiêu chi phí, là tháng/ hoặc quý/ hoặc năm.
 - o Kỳ thanh toán là kỳ để thanh toán các khoản chi phí cho cửa hàng.

Một kỳ quyết toán có thể bao gồm một/ hoặc nhiều kỳ thanh toán.

- Dựa vào số giao khoán và số đã thanh toán của các kỳ thanh toán trước, hệ thống tự động tính toán số còn lại được thanh toán trong kỳ thanh toán sau.
- Số không thanh toán hết của mỗi kỳ quyết toán không được chuyển sang kỳ quyết toán sau.
- Giao định mức theo đơn vị tính nào thì thanh, quyết toán theo đơn vị tính đó. Ví dụ: Giao định mức theo ĐVT = M3 thì thanh, quyết toán theo M3. Giao định mức theo ĐVT = Tiền VNĐ thì thanh, quyết toán theo Tiền VNĐ.
- Chi phí được giao và thanh quyết toán theo từng cửa hàng. Vì vậy user quản lý chi phí phải được phân đến cửa hàng (khi login vào Egas thì hệ thống default mã cửa hàng = mã cửa hàng phân cho user).
- Nếu user có chức năng (role) P-MultiPOS thì cần chọn mã cửa hàng ở box chọn cửa hàng trên góc phải màn hình.

3. CẤU HÌNH

3.1. Loại hình kinh doanh

Mục đích: Dùng để khai báo LHKD tương ứng với LHKD của SAP.

Thực hiện: Administrator

Phạm vi: MD hệ thống

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Cấu hình/Loại hình Kinh doanh

BA Code	BA Name	BA Type	Relevant Order	
1 01	Xăng dầu	1		☐
2 02	Dầu mỡ nhờn	1		☐
3 07	Hóa chất và dung môi	1		☐
4 09	Gas, bếp và phụ kiện	1		☐
5 10	Hàng hóa khác	2		☐
6 24	Loại hình khác	11		☐

3.2. Khoản mục chi phí khoán

Mục đích:

- Dùng để khai báo Khoản mục chi phí khoán = Mã tài khoản phí chi tiết tương ứng với Khoản mục chi phí và tài khoản phí của SAP.
- Tham chiếu từ Nhóm Khoản mục chi phí khoán

Thực hiện: Administrator

Phạm vi: MD hệ thống

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Cấu hình/Khoản mục chi phí khoán

MI	Tên	Grp Type	Tên ngắn	Nhóm KMP
1 6271121000	CPSXC - Chi phí ăn giữa ca	Default	6271121000	101 - Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp
2 6271122000	CPSXC - Chi phí mất việc làm	Default	6271122000	101 - Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp
3 6271123000	CPSXC - Chi phí bảo hộ lao động	Default	6271123000	101 - Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp
4 6271124000	CPSXC - Chi phí bồi dưỡng độc hại	Default	6271124000	101 - Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp
5 6271125000	CPSXC - Chi phí cho lao động nữ	Default	6271125000	101 - Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp
6 6271126000	CPSXC - CP có tính chất phúc lợi cho NLD	Default	6271126000	101 - Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp
7 6271128000	CPSXC - Chi phí khác cho người lao động	Default	6271128000	101 - Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp
8 6273030100	CPSXC - Công cụ, dụng cụ - Bán và gá	Default	6273030100	101 - Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp
9 6273030200	CPSXC - Công cụ, dụng cụ - T.bị tñ học viễn thông	Default	6273030200	101 - Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

3.3. Hạng mục chi phí khoán

Mục đích:

- Dùng để khai báo Hạng mục chi phí khoán. Mỗi Hạng mục chi phí phải gắn với một Khoản mục chi phí khoán. Cùng một Khoản mục chi phí cho phép đơn vị tạo nhiều Hạng mục chi phí.
- Khi tích hợp ưu tiên CostCenter được khai báo tại danh mục này. Nếu CostCenter tại danh mục này trống thì lấy CostCenter trên bảng Map tích hợp.

Thực hiện: KeyUser

Phạm vi: MD Company Code

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Cấu hình/Hạng mục chi phí khoán

Hạng mục chi phí khoán

Show 100 lines * [IMPORT] (?)

Thêm Lưu (Ctrl-S) Refresh Tìm: Any >

Mã	Tên	Nhóm chi phí	CostCenter	Cost Category
1 CPKD001	CPKD - CP bồi dưỡng đặc hai	6411154000 - CPKD - CP bồi dưỡng đặc hai		Chi phí
2 CPKD002	CPKD - Sửa chữa tự làm TSCĐ khác	6417052800 - CPKD - Sửa chữa tự làm TSCĐ khác		Chi phí
3 CPKD003	CPKD - Bảo quản - Vệ sinh CN môi trường	6417071200 - CPKD - Bảo quản - Vệ sinh CN môi trường		Chi phí
4 CPKD004	CPKD - Bảo quản - Cắt cỏ, trồng cây	6417071300 - CPKD - Bảo quản - Cắt cỏ, trồng cây		Chi phí
5 CPKD005	CPKD - Bảo quản - Kiểm định	6417071500 - CPKD - Bảo quản - Kiểm định		Chi phí
6 CPKD006	CPKD - Bảo quản - Khác	6417071900 - CPKD - Bảo quản - Khác		Chi phí
7 CPKD007	CPKD - Cước phí vận chuyển thuê ngoài	6417081100 - CPKD - Cước phí vận chuyển thuê ngoài		Chi phí
8 CPKD008	CPKD - Phí Khác	6417081800 - CPKD - Phí Khác		Chi phí

3.4. Đơn vị tính khai báo chi phí

Mục đích: Dùng để khai báo Đơn vị tính để giao định mức các chỉ tiêu chi phí khoán

Thực hiện: Administrator

Phạm vi: MD hệ thống

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Cấu hình/Đơn vị tính khai báo chi phí

Đơn vị tính khai báo chi phí

Refresh Tìm: Any >

Mã	Tên ĐVT	Loại	Tên ngắn
1 0	N/A	0	0
2 A	Điểm	2	POINT
3 C	Ca	0	SHIFT
4 CH	Chuyến	0	SHUTTLE
5 D	Ngày	0	DAY
6 H	Giờ	0	HOURLY
7 KM	Km	1	KM
8 KWH	Kwh	1	KWH
9 LIT	Lít	1	LIT
10 M	Tháng	0	MONTH

3.5. Chỉ tiêu chi phí khoán

Mục đích:

- Khai báo các chỉ tiêu chi phí để giao cho CH và kê khai chứng từ chi phí
- Tham chiếu từ Hạng mục chi phí và LHKD

Thực hiện: KeyUser

Phạm vi: MD Company Code

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Cấu hình/Chỉ tiêu lương, chi phí, quỹ lương

Chỉ tiêu lương, chi phí, quỹ lương

<> Lưu (Ctrl-S) Xóa Back ?

Mã	01_KV1 Điện (*)
Diễn giải	CP Điện chiếu sáng
Hạng mục phí khoán	CPKD010 - CPKD - DVMN - Tiền điện ▼
LHKD	▼
ĐVT	VNĐ ▼ (*)
Phương thức	Kê khai trực tiếp ▼ (*)
Hệ số/Định mức	1.00000 (*)
Đơn giá	
Cộng/Trừ	Cộng ▼
Loại chi phí	Trực tiếp ▼
	☒ Kê khai hóa đơn
run-Order	0 ▼
Loại chấm công	▼
	☐ Xếp hạng lao động
Variant 1	
CEN-REF	ALL_INV
Target	Cửa hàng ▼ (*)
Duyệt định mức khoán	Không theo định mức ▼ (*)

STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Mã	Mã chỉ tiêu	101	Tự nhập	X
2	Diễn giải	Tên chỉ tiêu (Tối đa 35 ký tự)	KWh điện thấp sáng	Tự nhập	X
3	Hạng mục phí khoán	Hạng mục chi phí khoán Nếu bỏ trống Hạng mục phí: khi cập nhật chi phí cho chỉ tiêu này cho phép người dùng lựa chọn Hạng mục phí trong danh mục	Chi phí dịch vụ mua ngoài	Chọn từ Danh mục	X

STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
4	LHKD	Loại hình kinh doanh Nếu bỏ trống LHKD: khi cập nhật chi phí cho chỉ tiêu này cho phép người dùng lựa chọn LHKD trong danh mục	Xăng dầu	Chọn từ Danh mục	
5	ĐVT	Đơn vị tính	KWh	Chọn từ Danh mục	X
6	Phương thức	Phương thức. Luôn chọn “Kê khai trực tiếp”	Kê khai trực tiếp	Chọn từ danh sách	X
7	Hệ số/Định mức	Hệ số giao	1	Tự nhập	X
8	Đơn giá	Đơn giá. - Chỉ tiêu giao khoán theo tiền(ĐVT=VNĐ): Đơn giá = 1. - Chỉ tiêu giao khoán theo Lượng (ĐVT#VNĐ): Đơn giá = 0.	1	Tự nhập	
9	Cộng/Trừ	Không dùng trong hệ thống này	Cộng	Chọn từ danh sách	
10	Loại chi phí	Loại chi phí	Trực tiếp	Chọn từ danh sách	
11	Kê khai Hóa đơn	Luôn tích chọn để khi kê khai, chỉ tiêu hiện lên để kê khai.	Tích chọn	Tích chọn	X
12	Run-order	Không dùng trong hệ thống này	0	Chọn từ danh sách	
13	Loại chấm công	Không dùng trong hệ thống này			
14	Xếp hạng lao động	Không dùng trong hệ thống này			
15	Variant 1	Không dùng trong hệ thống này			

STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
16	CEN-REF	-ALL_INV: Chỉ tiêu được thanh toán theo số thực tế phát sinh -Mã Chỉ tiêu: Chỉ tiêu được thanh toán theo định mức khoán	ALL_INV	Tự nhập	X
17	Target	Đối tượng giao. Mặc định = Cửa hàng	Cửa hàng	Chọn từ danh sách	X
18	Duyệt định mức khoán	- Theo định mức: nếu là chỉ tiêu chi phí theo định mức. - Không theo định mức: nếu là chỉ tiêu chi phí bất thường	Theo định mức	Chọn từ danh sách	X
19	Loại	Chọn loại chỉ tiêu Mặc định = Chi phí	Chi phí	chọn từ danh sách	X

Chú ý: Phần “Giá trị” trong bảng trên chỉ mang tính minh họa

3.6. Đối tượng chi phí

Mục đích: Khai báo đối tượng dùng để gán các chỉ tiêu chi phí. Phạm vi dự án này đối tượng chi phí tương ứng với cửa hàng

Thực hiện: KeyUser

Phạm vi: MD Company Code

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Cấu hình/Đối tượng chi phí

3.7. Gán chỉ tiêu chi phí cho đối tượng chi phí

Mục đích: Gán các chỉ tiêu chi phí mà CH được hưởng

Thực hiện: KeyUser

Phạm vi: MD Company Code

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Cấu hình/ Gán các quỹ lương, chỉ tiêu chi phí cho ĐTCP

Đối tượng chi phí (Cost Center)

Mã: 212001
 Tên: CH01
 Đối tượng chi: 21200 - CHXD
 Nhóm đối tượng: [1] - Not found
 Mã Ref (nhân viên, khách, channel...)
 Nhận chi phí
 Phân bổ tiếp: Overhead
 Đơn vị: 212001 - Cửa hàng xăng dầu số 01

Hiệu lực: 1/1/2013
 Hết hạn: 31/12/2099
 Cost Area: [Default]
 Business Area: CHXD
 Monitoring Area: [Default]
 General Ledger
 Variant 1
 Trạng thái: Active

Các quỹ lương, chi phí

Gán các quỹ lương - chỉ tiêu chi phí cho ĐTCP

ĐTCP	Hạng mục hưởng chi phí	H.số định mức (overwrite)	Đơn giá (overwrite)	Từ ngày	Đến ngày	Loại kỳ quyết toán	Không khoản	Trạng thái
1 212001	101 - Kwh điện thấp sáng			1/1/2017	31/12/2099	Tháng		Hiệu lực
2 212001	201 - Chi phí văn phòng phẩm loại 1			1/1/2017	31/12/2099	Tháng		Hiệu lực
3 212001	301 - Chi phí bán lẻ XD khác			1/1/2017	31/12/2099	Tháng		Hiệu lực
4 212001	202 - Chi phí văn phòng phẩm loại 2	0.80000		1/1/2017	31/12/2099	Quý		Hiệu lực
5 212001	103 - Nước			1/1/2017	31/12/2099	Quý		Hiệu lực
6 212001	102 - Kwh điện bơm rót	1.20000		1/1/2017	31/12/2099	Tháng		Hiệu lực

STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Hạng mục hưởng chi phí	Hạng mục hưởng chi phí	Các dòng chỉ tiêu chi phí	Chọn từ Danh mục	X
2	Hệ số/ Định mức (Overwrite)	Hệ số giao. Nếu để trống, mặc định là Hệ số được khai báo tại Danh mục chỉ tiêu chi phí		Tự nhập	
3	Đơn giá	Đơn giá. Nếu để trống, mặc định là đơn giá được khai báo tại Danh mục chỉ tiêu chi phí		Tự nhập	
4	Từ ngày	Ngày bắt đầu hiệu lực	01/01/2017	Tự nhập	X
5	Đến ngày	Ngày hết hiệu lực	31/12/2017	Tự nhập	X
6	Loại kỳ Quyết toán	Loại kỳ Quyết toán	Tháng	Chọn từ danh sách	X

STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
7	Không khoán	Sử dụng cho các chỉ tiêu không theo dõi số còn lại trong kỳ thanh toán(thanh toán theo thực tế). Nếu tích chọn: Tại màn hình quản trị chi phí hệ thống không tính số còn lại.		Tích chọn	
8	Trạng thái	Trạng thái	Hiệu lực	Chọn từ danh sách	X

Chú ý: Phần “Giá trị” trong bảng trên chỉ mang tính minh họa

3.8. Phân loại Cửa hàng

Mục đích: Dùng để phân loại các hình thức chi tiền của cửa hàng

Thực hiện: KeyUser

Phạm vi: MD Compay Code

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Cấu hình/Phân loại Cửa hàng

Phân loại cửa hàng

Show 100 lines ▼ ?

Lưu (Ctrl-S) Refresh Tìm: Any ▾

Mã	Tên cửa hàng	Tên ngân	Nhóm 24h	Chia sản lượng bán dịch vụ XD	Chia sản lượng bán dịch vụ HHK	Chia riêng	Chia chung	Chia riêng	Chia chung	PP Chi tiền
1 212001	Cửa hàng xăng dầu số 01	CH01	CH bán 24/24	Chia ngay trong ca	Chia ngay trong ca	Chia riêng	Chia riêng	Bù trừ nợ	Bù trừ nợ	Quỹ cty
2 212004	Cửa hàng xăng dầu số 04	CH04	CH bán 24/24	Chia ngay trong ca	Chia ngay trong ca	Chia riêng	Chia riêng	Bù trừ nợ	Bù trừ nợ	Quỹ cty
3 212005	Cửa hàng xăng dầu số 05	CH05	CH bán 24/24	Chia ngay trong ca	Chia ngay trong ca	Chia chung	Chia chung	Quỹ cty	Quỹ cty	Quỹ cty
4 212006	Cửa hàng xăng dầu số 06	CH06	CH trực đêm	Chia ngay trong ca	Chia ngay trong ca	Chia riêng	Chia riêng	Bù trừ nợ	Bù trừ nợ	Quỹ cty
5 212012	Cửa hàng xăng dầu số 12	CH12	CH trực đêm	Chia ngay trong ca	Chia ngay trong ca	Chia chung	Chia chung	Quỹ cty	Quỹ cty	Quỹ cty
6 212014	Cửa hàng xăng dầu số 14	CH14	CH trực đêm	Chia ngay trong ca	Chia ngay trong ca	Chia chung	Chia chung	Quỹ cty	Quỹ cty	Quỹ cty
7 212018	Cửa hàng xăng dầu số 18	CH18	CH trực đêm	Chia ngay trong ca	Chia ngay trong ca	Chia riêng	Chia riêng	Quỹ cty	Quỹ cty	Quỹ cty
8 212019	Cửa hàng xăng dầu số 19	CH19	CH trực đêm	Chia ngay trong ca	Chia ngay trong ca	Chia chung	Chia chung	Quỹ cty	Quỹ cty	Quỹ cty
9 212030	Cửa hàng xăng dầu số 30	CH30	CH bán 24/24	Chia ngay trong ca	Chia ngay trong ca	Chia riêng	Chia riêng	Quỹ cty	Quỹ cty	Quỹ cty
10 212031	Cửa hàng xăng dầu số 31	CH31	CH bán 24/24	Chia ngay trong ca	Chia ngay trong ca	Chia riêng	Chia riêng	Quỹ cty	Quỹ cty	Quỹ cty

Xác định phương pháp chi tiền chi phí

Phân loại Cửa hàng:

- Bù trừ công nợ: Tiền được thanh toán bù trừ vào số tiền bán hàng tại Cửa hàng
- Quỹ công ty: Tiền được thanh toán được chi từ Quỹ công ty cho Cửa hàng

4. THIẾT LẬP MASTER DATA

4.1. Kỳ Quyết toán

Mục đích: Khai báo Kỳ Quyết toán để giao định mức khoán theo kỳ Quyết toán

Thực hiện: KeyUser

Phạm vi: MD Compay Code

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Danh mục/Kỳ Quyết toán

Kỳ quyết toán					
Thêm Lưu (Ctrl-S) Refresh					
Mã	Tên	Từ ngày	Đến ngày	Loại	
1 1700	Năm 2017	1/1/2017 0:00	31/12/2017 23:59	Năm	
2 1709	Tháng 09 2017	1/9/2017 0:00	30/9/2017 23:59	Tháng	
3 1710	Tháng 10 2017	1/10/2017 0:00	31/10/2017 23:59	Tháng	
4 1711	Tháng 11 2017	1/11/2017 0:00	30/11/2017 23:59	Tháng	
5 1712	Tháng 12 2017	1/12/2017 0:00	31/12/2017 23:59	Tháng	

Cách đặt mã:

- Tháng: Hai ký tự của năm, hai ký tự của tháng. Ví dụ 1701 = Tháng 01/2017
- Quý: Hai ký tự của năm, hai ký tự của Quý. Ví dụ 17Q1 = Quý 1 năm 2017
- 6 tháng: Hai ký tự của năm, hai ký tự của 6 tháng. Ví dụ 17D6 = 6 tháng đầu năm, 17C6= 6 tháng cuối năm
- Năm: Hai ký tự đầu của năm, hai ký tự sau là 00. Ví dụ 1700 = Năm 2017

STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Mã	Mã kỳ	1701	Tự nhập	X
2	Tên	Tên kỳ quyết toán	T01/17	Tự nhập	X
3	Từ ngày	Ngày bắt đầu kỳ	01/01/2017 0:00	Tự nhập	X
4	Đến ngày	Ngày kết thúc kỳ	31/01/2017 23:59	Tự nhập	X
5	Loại	Loại kỳ	Tháng	Chọn từ danh sách	X

Chú ý: Phần “Giá trị” trong bảng trên chỉ mang tính minh họa

4.2. Kỳ Thanh toán

Mục đích: Khai báo Kỳ thanh toán để kê khai và thanh toán chi phí. Khoảng thời gian Từ ngày, Đến ngày phải thuộc ít nhất 1 kỳ Quyết toán.

Thực hiện: KeyUser

Phạm vi: MD Compay Code

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Danh mục/Kỳ Thanh toán

Kỳ thanh toán				
Thêm Lưu (Ctrl-S) Refresh				
Mã	Tên	Từ ngày	Đến ngày	
1 1711	Tháng 11 2017	1/11/2017 0:00	30/11/2017 23:59	
2 1712	Tháng 12 2017	1/12/2017 0:00	31/12/2017 23:59	
3 1801	Tháng 1-2018	1/1/2018 0:00	31/1/2018 23:59	
4 1802	Tháng 2-2018	1/2/2018 0:00	28/2/2018 23:59	

STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Mã	Mã kỳ. Cách đặt mã tương tự Kỳ Quyết toán	1701	Tự nhập	X
2	Tên	Tên kỳ thanh toán (Tối đa 7 ký tự)	Tháng 01/2017	Tự nhập	X
3	Từ ngày	Ngày bắt đầu kỳ	01/01/2017 0:00	Tự nhập	X
4	Đến ngày	Ngày kết thúc kỳ	31/01/2017 23:59	Tự nhập	X

Chú ý: Phần “Giá trị” trong bảng trên chỉ mang tính minh họa

4.3. Gán kỳ thanh toán cho Cửa hàng

Mục đích: Thực hiện giao kỳ thanh toán cho CH. CH chỉ được thanh toán theo các kỳ được giao

Thực hiện: KeyUser

Phạm vi: MD Compay Code

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Danh mục/Kỳ Thanh toán//Gán kỳ thanh toán cho CH

Kỳ thanh toán

<>
Lưu (Ctrl-S)
[No Delete]
Back
?

Mã
1711
(*)

Tên
Tháng 11 2017
(*)

Từ ngày
1/11/2017 0:00
(*)

Đến ngày
30/11/2017 23:59
(*)

Gán cho Cửa hàng

Gán kỳ thanh toán cho CH
/Tháng 11 2017

III
Thêm
Lưu (Ctrl-S)
Refresh

	Kỳ ▼	Cửa hàng ▼
1	Tháng 11 2017	212014 - Cửa hàng xăng dầu số 14 - UAT E-invoice
2	Tháng 11 2017	212488 - 81717
3	Tháng 11 2017	212011 - Cửa hàng xăng dầu số 11
4	Tháng 11 2017	212012 - Cửa hàng xăng dầu số 12 - UAT E-invoice
5	Tháng 11 2017	212017 - Cửa hàng xăng dầu số 17
6	Tháng 11 2017	212018 - Cửa hàng xăng dầu số 18
7	Tháng 11 2017	212019 - Cửa hàng xăng dầu số 19

5. XỬ LÝ CHỨNG TỪ CHI PHÍ

5.1. Giao chi phí khoán cho Cửa hàng

Mục đích: VPCTy thực hiện giao chi phí khoán cho CH.

Thực hiện: User VP/CH (Cấu hình phân quyền)

Phạm vi: Compay Code/CH

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Cửa hàng/Giao chi phí khoán

Điều kiện thực hiện:

- Cấu hình đã được khai báo
- Master Data đã được thiết lập

Nguyên tắc giao chi phí:

- Số giao định mức chi phí khoán:
 - o Chỉ tiêu khoán theo Số tiền (ĐVT= VNĐ) thì số giao khoán là Số tiền trước thuế.
 - o Chỉ tiêu khoán theo Số lượng (ĐVT # VNĐ, Ví dụ: điện, nước,..) thì số giao khoán là Số lượng.
- Đơn giá: Đơn giá định mức khoán
 - o Chỉ tiêu khoán theo Số tiền: Mặc định đơn giá = 1
 - o Chỉ tiêu khoán theo số lượng: Nhập đơn giá khoán. Nếu lấy theo đơn giá của hóa đơn thực tế thì nhập đơn giá = 0.

Cách thực hiện: Giao chi phí khoán theo 1 trong 2 cách sau:

- Load tự động dữ liệu
- Import dữ liệu từ Excel

Lưu ý: Được phép chỉnh sửa định mức chi phí các chỉ tiêu đã được phân bổ và ghi lại history các lần chỉnh sửa. User muốn chỉnh sửa định mức chi phí cần được gán một trong các quyền: CEN0; CEN1; CEN2

Để chỉnh sửa hoặc xem history giao định mức ta kích chọn vào chỉ tiêu cần xem tại màn hình giao chi phí khoán:

DTCP	Chi tiêu	ĐVT	Số lượng/Giá trị	Hệ số Định mức	Hệ số đ. chỉnh	Đơn giá	Ghi chú
1 212001	CP004 - CP hành chính	VNĐ	13 317 139	1	1	0	
2 212001	CP020 - CP bảo hộ lao động	VNĐ	2 475 001	1	1	0	
3 212001	CP006 - CP khác (POS)	VNĐ	0	1	1	0	
4 212001	CP007 - CP nhiên liệu máy phát điện	Lít	0	1	1	0	
5 212001	CP008 - CP bán buôn XD	VNĐ	6 753 090	1	1	0	
6 212001	CP009 - CP dịch vụ cấp lễ XD	VNĐ	37 187 780	1	1	0	
7 212001	CP010 - CP khuyến khích sản lượng XD	VNĐ	13 998 918	1	1	0	

Thực hiện chỉnh sửa định mức hoặc xem history :

User: 212LuaNt (Version: 2). History >>

Lưu (Ctrl-S) Back ?

ĐTCP 81 807

Chỉ tiêu

ĐVT

Số lượng/Giá trị 13 998 919 (*)

Hệ số/Định mức 1 (*)

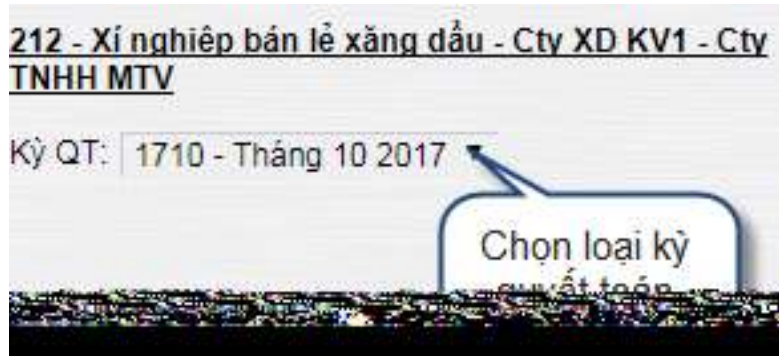
Hệ số đ. chỉnh 1 (*)

Đơn giá 0 (*)

Ghi chú

5.1.1. Load tự động dữ liệu

Bước 1: Chọn kỳ Quyết toán tại trường “Kỳ QT:”



Bước 2: Kích chọn nút “Copy data”

Chương trình tự động Load chi phí theo nguyên tắc:

- Load định mức khoán từ kỳ trước. Nếu là kỳ đầu tiên, lấy dữ liệu tại chức năng “Gán chỉ tiêu chi phí cho đối tượng chi phí”
- Chỉ Load chi phí khoán với các chỉ tiêu chưa được giao khoán trong kỳ (chưa xuất hiện trên màn hình giao chi phí) của tất cả các CH.

Giao chi phí khoán cho Cửa hàng

Show 100 lines [IMPORT] ?

Lưu (Ctrl-S) Refresh Chỉ tiêu, ĐTCP, ghi chú: Any > [Cửa hàng] [Chỉ tiêu]

ĐTCP	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng/Giá trị	Hệ số/Định mức	Hệ số đ. chỉnh	Đơn giá	Ghi chú	Copy data

Với các chỉ tiêu đã xuất trên màn hình chi phí, muốn tự động load chi phí khoán từ kỳ trước thì cần phải xóa chỉ tiêu và thực hiện Load lại định mức bằng cách kích vào nút “Copy data”.

- Để xóa chỉ tiêu chi phí trên màn hình giao khoán, người dùng kích chọn vào chỉ tiêu cần xóa và thực hiện kích chọn vào nút ✖

Giao chỉ phí khoán cho Cửa hàng

Show 100 lines [IMPORT] 17

Lưu (Ctrl-S) | Refresh | Chỉ tiêu, ĐTCR ghi chú: Any | [Cửa hàng] | [Chỉ tiêu]

Trang 1 | Đến trang 1 2 3 4 5 6 7

	ĐTCR	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng/Giá trị	Hệ số định mức	Hệ số điều chỉnh	Đơn giá	Ghi chú
1	212000	04_KV2_1h - CP Văn phòng phẩm	VND	0	1	1	0	
2	212000	04_NA - CP Văn phòng phẩm	VND	500 000	1	1	1	
3	212000	04_KV2_1c - CP Văn phòng phẩm	VND	1	1	1	0	
4	212001	CP_08 - Chi phí ăn ca	VND	0	1	1	1	
5	212001	CP_09 - Chi phí Điện chiếu sáng - TMB	Kwh	0	1	1	0	
6	212001	CP_07 - CP trực đêm	VND	1 000 000	1	1	1	
7	212001	CP_02 - CP Nước	M3	0	1	1	3 000	
8	212001	CP_06 - CP đặc hai	VND	0	1	1	1	
9	212001	06 - Công tác phí	VND	10	1	1	1	
10	212001	08_KV1 XD bán lẻ - Chi phí hỗ trợ bán hàng XD bán lẻ	VND	81 093 932	1	1	1	
11	212004	04_KV2_1c - CP Văn phòng phẩm	VND	0	1	1	0	

STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
1	ĐTCR	Đối tượng chi phí = Cửa hàng	212001	Chọn lọc theo Cửa hàng	
2	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu chi phí	KWh điện	Hệ thống tự load	X
3	ĐVT	Đơn vị tính	KWh	Hệ thống tự load	X
4	Số lượng/ Giá trị	Số định mức khoán cho chỉ tiêu theo đơn vị tính. Nếu không khoán thì để trống	100	Tự nhập	X
5	Hệ số định mức	Hệ số định mức. Hệ thống tự load từ chức năng Gán chỉ tiêu cho đối tượng chi phí	1	Hệ thống tự load từ chức năng Gán chỉ tiêu cho đối tượng chi phí	X
6	Hệ số điều chỉnh	Hệ số điều chỉnh.	0.8	Tự nhập	
7	Đơn giá	Chỉ khai báo đơn giá với các chỉ tiêu được giao khoán theo Lượng.			

Chú ý: Phần “Giá trị” trong bảng trên chỉ mang tính minh họa

- Định mức giao = Số lượng/Giá trị x Hệ số định mức x Hệ số điều chỉnh.
- Không sửa được màn hình này nếu CH đã gửi “Đề nghị phê duyệt chi phí”

5.1.2. Import dữ liệu từ Excel

Bước 1: Tạo file template để import vào excel theo mẫu sau:

HPERIOD	POS	CEN	QTY	FACTOR2	FACTOR3	UPrice	N	MY	YY	DIR
1808	212036	CP_01212036	1000 000	1	1	1		8	2018	1
1808	212036	CP_02212036	500000	1	1	1		8	2018	1
1808	212037	CP_01212037	1000000	1	1	1		8	2018	1

1808	212037	CP_02212037	500000	1	1	1		8	2018	1
------	--------	-------------	--------	---	---	---	--	---	------	---

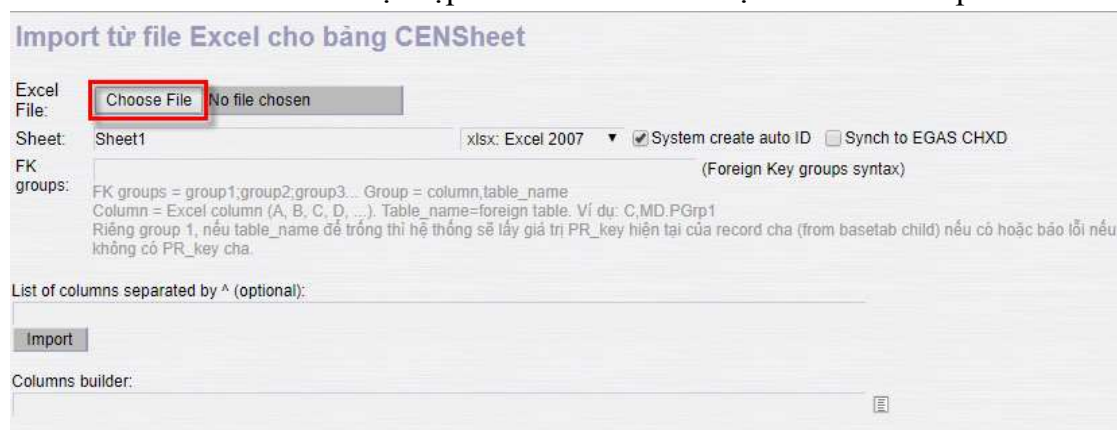
STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
1	HPERIOD	Mã kỳ thành toán	1808	Tự nhập	X
2	POS	Mã Cửa hàng	212036	Tự nhập	X
3	CEN	Mã chỉ tiêu+ Mã CH	CP_07212036 Trong đó: - Mã chỉ tiêu: CP_07 - Mã CH: 212036	Tự nhập	X
4	QTY	Số lượng/Giá trị khoán	1000000	Tự nhập	X
5	FACTOR2	Hệ số định mức	1	Tự nhập	X
6	FACTOR3	Hệ số điều chỉnh	1	Tự nhập	X
7	UPrice	Đơn giá	1	Tự nhập	X
8	N	Ghi chú		Tự nhập	
9	MY	Tháng thanh toán	8	Tự nhập	X
10	YY	Năm thanh toán	2018	Tự nhập	X
11	DIR	Luôn mặc định = 1	1	Tự nhập	X

Chú ý: Phần “Giá trị” trong bảng trên chỉ mang tính minh họa

Bước 1: Kích chọn “Import” tại giao diện màn hình giao chi phí



Bước 2: Kích vào nút “Chọn tệp/ Chosse file” và chọn đến file Template



Bước 3: Nhập đầy đủ các thông tin cần Import

- **Sheet:** Tên của sheet của File template cần Import dữ liệu.
- **System create auto ID:** Luôn tích chọn
- **Synchron to EGAS CHXD:** Luôn không tích chọn
- **FK groups:** A,HPERIOD;B,POS;C,v_CENCC
- **List of columns separated by ^ (optional):**
HPERIOD^POS^CEN^QTY^FACTOR2^FACTOR3^UPrice^N^MY^YY^DIR

Bước 3: Kích chọn “Import” để thực hiện

5.2. CH kê khai chứng từ chi phí

Mục đích: Sử dụng để kê khai chứng từ, hóa đơn chi phí và theo dõi tình hình thanh quyết toán chi phí.

Thực hiện: User CH

Phạm vi: CH

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Cửa hàng/Màn hình Quản trị chi phí

Điều kiện thực hiện:

- VPCTy đã giao chỉ tiêu chi phí và định mức cho Cửa hàng
- Trạng thái = Mở kỳ

Bước 1: Chọn kỳ Thanh toán bằng cách nhấn vào link Mã kỳ tương ứng

STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
Khu vực Kỳ thanh toán					
1	Mã	Mã kỳ thanh toán		Link	
2	Tên	Tên kỳ thanh toán		Label	
Khu vực Trạng thái					
1	Trạng thái	Theo dõi trạng thái của kỳ thanh toán	Mở kỳ	Hệ thống tự load	
2	Ngày đề nghị phê duyệt	Ngày đề nghị phê duyệt		Hệ thống tự load	
3	Ngày phê duyệt	Ngày phê duyệt		Hệ thống tự load	
4	Ngày đề nghị thanh toán	Ngày đề nghị thanh toán		Hệ thống tự load	
5	Ngày phê duyệt thanh toán	Ngày phê duyệt thanh toán		Hệ thống tự load	
Khu vực Link làm việc					
1	Đề nghị phê duyệt	Link để CH gửi Đề nghị phê duyệt			
2	Chứng từ thanh toán	Link để CH kê khai chứng từ thanh toán			
3	Đề nghị thanh toán	Link để CH gửi Đề nghị thanh toán			
Khu vực Kê khai chứng từ chi phí					
1	Chứng từ trong định mức	Khai báo các hóa đơn bán hàng, biên lai, biên nhận làm căn cứ chi phí. Các khoản chi phí này được hệ thống tự động xác định số phê duyệt (Người dùng không sửa lại được)			
2	Chứng từ chi phí bất thường	Khai báo các hóa đơn bán hàng làm căn cứ chi phí. Các khoản chi phí này cho phép VP phê duyệt giá trị nhỏ hơn hoặc bằng với hóa đơn kê khai			

STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
3	Hóa đơn VAT	Khai báo các hóa đơn làm căn cứ chi phí.			
4	Biên lai, biên nhận	Khai báo các chứng từ(không có thuế) làm căn cứ chi phí.			
Khu vực màn hình chính – Tab Tổng hợp định mức khoán					
1	Chỉ tiêu chi phí	Chỉ tiêu mà CH được giao	KWh	Hệ thống tự load	
2	Kỳ QT	Kỳ Quyết toán	Tháng 07/2017	Hệ thống tự load	
3	ĐVT	Đơn vị tính	KWh	Hệ thống tự load	
4	SL (Số định mức)	Số lượng giao (Tháng/quý/năm)	100	Hệ thống tự load	
5	HS (Số định mức)	Hệ số	0.8	Hệ thống tự load	
6	HS điều chỉnh(Số định mức)	Hệ số điều chỉnh	1.2	Hệ thống tự load	
7	Số đã thanh toán kỳ trước	Số đã thanh toán. Dùng cho các chỉ tiêu thanh toán nhiều kỳ		Hệ thống tự load	
8	Số kê khai kỳ này	Số kê khai kỳ này		Hệ thống tự load theo khai báo	
9	Số còn lại	Số còn lại = Số lượng giao x Hệ số x Hệ số điều chỉnh – Số đã thanh toán kỳ trước – Số đã kê khai	96	Hệ thống tự load	

Chú ý: Phần “Giá trị” trong bảng trên chỉ mang tính minh họa

Bước 2: Thực hiện Kê khai các chứng từ chi phí. (Trạng thái = Mở kỳ)

Có các loại chứng từ:

- Chứng từ chi phí trong định mức: Kê khai các khoản chi phí phát sinh định kỳ theo các khoản mục khoán của VPCTy. Khi phê duyệt chi phí hệ thống tự động xác định số phê duyệt theo định mức khoán hoặc hóa đơn kê khai (phụ thuộc vào cấu hình [chỉ tiêu chi phí, quỹ lương](#)), không cho phép người dùng sửa lại số phê duyệt. Gồm các loại:
 - Hóa đơn: Các hóa đơn thanh toán cho chi phí tại CH
 - Biên lai, biên nhận: Các phiếu biên lai, biên nhận thanh toán cho CH

- Chứng từ chi phí bất thường: Kê khai các khoản chi phí bất thường phát sinh ngoài các khoản chi phí khoán (VD: chi phí sửa chữa cải tạo CH,...). Khi phê duyệt chi phí cho phép Văn phòng nhập số phê duyệt có giá trị thấp hơn hoặc bằng hóa đơn kê khai.
 - o Hóa đơn: Các hóa đơn thanh toán cho chi phí tại CH
 - o Biên lai, biên nhận – BK10

Cách kê khai:

- Cách cập nhật:
 - o Các chỉ tiêu giao khoán theo tiền: Kê khai theo Số tiền trước thuế
 - o Các chỉ tiêu giao khoán theo lượng: Kê khai cả Số lượng và Số tiền trước thuế.
- Ưu tiên:
 - o Hóa đơn VAT (Thuế suất cao => thấp)
 - o Biên lai, Biên nhận

Cập nhật thông tin diễn giải tại các chứng từ kê khai chi phí (bỏ diễn giải tại Tab "Hoá đơn VAT"):

- Cách cập nhật: Thực hiện một trong 2 cách
 - o Nhập "Diễn giải" chi tiết theo từng chỉ tiêu: Nhập vào "diễn giải" từng chỉ tiêu
 - o Nhập "Diễn giải" tổng (Diễn giải cho tất cả các chỉ tiêu): Nhập vào "Ghi chú" tại tab "Phần kê chi phí"

5.2.1 Kê khai Hóa đơn VAT trong định mức:

❖ Kê khai hóa đơn VAT: (Tcode BK3)

B1: Nhấn chọn Hóa đơn



B2: Nhập thông tin kê khai theo hóa đơn thực tế

Hóa đơn chi phí khoán bán lẻ
BK3.446740
OLD TRANSACTION
Ngày giờ: 17/7/2025
Tham chiếu FDA: 018GWB

Phần kê chi phí khoán

Kỳ thanh toán	Tháng 7 năm 2025	Chi phí	Số lượng	Loại hình KD	Hạng mục phí	Phương thức	Cấp giá	Ghi chú
1	CP028 - CP cấp từ - Đầu vào (GVM)	0	02 - Đầu vào nước	6410151000 - CPKD - Chi phí Q cấp T-thuộc HKH (phí)	Bán M	→ Thanh Toán Lũy Lũy (Mỗi lần 250m³/24h)	1 444 667 X	
2	CP029 - CP cấp từ - Đầu vào (GVM)	0	17 - Dịch vụ bảo vệ	6410151000 - CPKD - Chi phí Q cấp T-thuộc HKH (phí)	Bán M	→ Thanh Toán Lũy Lũy	136 000 X	
3	CP021 - CP cấp từ - Nước giếng (GVM)	0	10 - Hạng hóa khác	6410151000 - CPKD - Chi phí Q cấp T-thuộc HKH (phí)	Bán M	→ Thanh Toán Lũy Lũy	566 000 X	
4		0			Bán M			
5		0			Bán M			

Hóa đơn chi phí khoán bán lẻ
BK3.446740
OLD TRANSACTION
Ngày giờ: 17/7/2025
Tham chiếu FDA: 018GWB

Phần kê chi phí khoán Hóa đơn GTGT

Kỳ thanh toán 2507 - Tháng 7 năm 2025 Ghi chú:

Loại hóa đơn	VAT 8%
Ngày hóa đơn	15/7/2025
Ngày ký sổ	15/07/2025
Mẫu HĐ-Số xê ri	1-C25THP
Số hóa đơn	00001393
Công ty xuất hóa đơn	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HỒNG PHƯỢNG
MST	3300362221
Địa chỉ	47 Nguyễn Chí Diểu, Phường Phú Xuân, Thành Phố
Tiền kê khai (trước thuế)	2 166 667
Tiền BVMT	0
Tiền thuế	173 333
Tổng tiền	2 340 000

STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
Tab Phần kê chi phí khoán					
1	Ngày chứng từ	Ngày chứng từ	31/07/2017	Tự nhập	X
2	Kỳ thanh toán	Kỳ thanh toán	Tháng 07/2017	Hệ thống tự load	X
3	Chỉ tiêu chi phí	Chỉ tiêu chi phí	KWh điện	Chọn từ danh sách	X
4	Loại hình KD	Loại hình Kinh doanh. Hệ thống tự load LHKD được khai báo trong “chỉ tiêu chi phí” được chọn ở trên		Hệ thống tự load	

STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
5	Hạng mục phí	Hạng mục chi phí. Hệ thống tự load Hạng mục chi phí được khai báo trong “chỉ tiêu chi phí” được chọn ở trên		Hệ thống tự load	X
6	Phương thức	Khoản chi phí phục vụ cho hình thức bán buôn/ bán lẻ	Bán lẻ	Tự nhập	X
7	Số lượng	Số lượng kê khai	50	Tự nhập theo hóa đơn	X
8	Số tiền	Số tiền kê khai	50 000	Tự nhập theo hóa đơn	X
Tab Hóa đơn GTGT					
1	Loại hóa đơn	Có các loại: VAT 10%, 5%, 0%, 3,5%, 7%, 8% và Không VAT, Trực tiếp	VAT 10%	Chọn từ danh sách	
2	Ngày hóa đơn	Ngày hóa đơn	05/08/2017	Tự nhập	
3	Ngày ký số	Ngày ký số		Tự nhập	x
4	Mẫu HD - Số seri	Mẫu hóa đơn - Số seri	01GTKT/001-AA/2017P	Tự nhập	
5	Số hóa đơn	Số hóa đơn	123	Tự nhập	
6	Công ty xuất hóa đơn	Công ty xuất hóa đơn	Công ty điện lực Long Biên	Tự nhập	
7	MST	MST	0123456789	Tự nhập	
8	Địa chỉ	Địa chỉ	Long Biên – Hà Nội	Tự nhập	
9	Diễn giải	Diễn giải		Tự nhập	
10	Tiền kê khai (trước thuế)	Tiền kê khai (trước thuế)	50 000	Hệ thống lấy từ bên tab Phân kê chi phí khoán	
11	Tiền thuế	Tiền thuế	5000	Tự nhập	

STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
12	Tiền BVMT	Tiền bảo vệ môi trường	1000	Tự nhập	

Chú ý: Phần “Giá trị” trong bảng trên chỉ mang tính minh họa

- Chỉ tiêu chi phí: Hiện thị danh sách các chỉ tiêu chi phí được gán cho CH và khai báo “Duyệt theo định mức = theo định mức” tại phần cấu hình [Chỉ tiêu chi phí khoán..](#)
- Loại hình kinh doanh, Hạng mục chi phí: Hệ thống tự động Load từ LHKD, Hạng mục chi phí được VPCTy/CN khai báo tại “chỉ tiêu chi phí”.
- Trường hợp LHKD, Hạng mục chi phí không được VPCTy/CN khai báo trong “Chỉ tiêu chi phí”:
 - o Loại hình kinh doanh: Cho phép CH chọn từ danh mục hoặc để trống. Nếu CH để trống LHKD thì khi tích hợp lên SAP thì khoản này được coi là chi phí chung.
 - o Hạng Mục phí: CH phải chọn từ danh mục Hạng mục phí, không cho phép bỏ trống Hạng mục phí.

Lưu ý:

- Ngày chứng từ phải nằm trong Kỳ thanh toán và phải lớn hơn ngày hóa đơn.
- Một chứng từ phải gắn ít nhất với 1 hoặc nhiều chỉ tiêu chi phí.
- Một chứng từ chỉ được thanh toán cho một kỳ chi phí. Phần mềm chặn không cho phép tạo hóa đơn nếu trùng các thông tin: MST công ty xuất hóa đơn + Mẫu HĐ + Seri HĐ + Số hóa đơn + Mức VAT.
- Mẫu hóa đơn, Số seri nhập đúng theo quy tắc: Mẫu HĐ - Số seri
- Loại VAT
 - o Trực tiếp: Hóa đơn bán hàng không chịu thuế và không vào Bảng kê chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào khi tích hợp SAP
 - o VAT 10%, 5%, 0%, 7%, 3.5%, 8% và Không VAT: Hóa đơn GTGT dùng cho mặt hàng chịu thuế hoặc không chịu thuế. Các hóa đơn này đều lấy vào Bảng kê chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào khi tích hợp SAP
- Trường hợp chứng từ không được thanh toán cho kỳ này, muốn sử dụng thanh toán cho kỳ sau thì phải hủy chứng từ trên phần mềm và kê khai vào kỳ thanh toán sau.

Bổ sung:

- Tạo mới mức thuế suất 3.5% và 7%, 8% ở danh mục biểu thuế suất.
- Chặn lưu chứng từ khi nhập trùng "Mẫu HĐ-Số xê ri", "Số hóa đơn", "Loại hóa đơn" ở Tab "Hóa đơn giá trị gia tăng".
- Cho phép tạo nhiều chứng từ trùng "Mẫu HĐ-Số xê ri", "Số hóa đơn" nhưng khác "Loại hóa đơn" (thuế suất).

Màn hình cập nhật bổ sung mức VAT

Hóa đơn chi phí khoản bán lẻ
BK3.50462
OLD TRANSACTION
Ngày: 9/2/2022

Hóa đơn GTGT

Kỳ thanh toán: 2202 - Tháng 2 năm 2011 Ghi chú:

Loại hóa đơn: VAT 8% Chọn mức VAT

Ngày hóa đơn:
Mẫu HĐ-Số xếp ri:
Số hóa đơn:
Công ty xuất hóa đơn:
MST:
Địa chỉ:
Tiền kê khai (trước thuế):
Tiền BVMT:
Tiền thuế:
Tổng tiền:

VAT 10%
Trực tiếp
VAT 3.5%
VAT 8%
VAT 5%
VAT 0%
Không VAT
VAT 7%

Ngày 10 - CTCP
Quận Long Biên - TP Hà Nội

0
-40 000
540 000

❖ **Kê khai Biên lai, Biên nhận: (Tcode: BK5)**

B1: Nhấn chọn Biên lai, Biên nhận

• Chứng từ trong định mức

Hóa đơn

Biên lai, Biên nhận

• Chứng từ chi phí bất thường

Hóa đơn

B2: Nhập thông tin kê khai theo chứng từ thực tế

Bảng kê chi phí khoản không hóa đơn
Ngày chứng từ: 20/9/2018 Ngày lập: 20/9/2018 11:38

Phân kê số lượng khoản theo EVT

Kỳ thanh toán	Chi tiêu chi phí	Số lượng	Loại hình KD	Hàng mục phí	Phương thức	Số tiền
10/9 - Tháng 9-2018						2 000 000
1	CP_04 - CP Văn phòng phẩm (@VNĐ)	0	02 - Đầu mở nhóm	CPKD013 - CPKD - Chi phí văn phòng phẩm	Bán lẻ	2 000 000 X
2		0			Bán lẻ	X
3		0			Bán lẻ	X
4		0			Bán lẻ	X
5		0			Bán lẻ	X
6		0			Bán lẻ	X

STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Ngày chứng từ	Ngày chứng từ	01/01/2018	Tự nhập	X
2	Ngày lập	Ngày biên lai, biên nhận	09/02/2018	Tự nhập	X
3	Kỳ thanh toán	Kỳ thanh toán	Tháng 01/2018	Hệ thống tự load	X
4	Chỉ tiêu chi phí	Chỉ tiêu chi phí	Chi phí hành chính	Chọn từ danh sách	X
5	Loại hình KD	Loại hình Kinh doanh. Hệ thống tự load LHKD được khai báo trong “chỉ tiêu chi phí” được chọn ở trên		Hệ thống tự load	
6	Hạng mục phí	Hạng mục chi phí. Hệ thống tự load Hạng mục phí được khai báo trong “chỉ tiêu chi phí” được chọn ở trên		Hệ thống tự load	X
7	Số lượng	Số lượng kê khai	0	Tự nhập theo chứng từ	X
8	Số tiền	Số tiền kê khai	500 000	Tự nhập theo chứng từ	X

5.2.2 Chứng từ chi phí bất thường

❖ **Kê khai hóa đơn VAT bất thường: (Tcode BK9)**

B1: Nhấn chọn Hóa đơn VAT



B2: Nhập thông tin kê khai theo hóa đơn thực tế: Tương tự Kê khai hóa đơn VAT trong định mức - Tcode BK3

Hóa đơn chi phí ngoài định mức
BK9.2201

Ngày giờ: 24/7/2025
Tham chiếu FDA: i

Phân kê chi phí Hóa đơn GTGT

Kỳ thanh toán: 2507 - Tháng 7 năm 2025 Ghi chú:

Loại hóa đơn	VAT 8% ▼
Ngày hóa đơn	24/7/2025
Ngày ký số	24/7/2025
Mẫu HĐ-Số xê ri	1-C25MTT
Số hóa đơn	77778
Công ty xuất hóa đơn	Công ty cổ phần DVDN
MST	2222222222
Địa chỉ	Hà Nội
Tiền kê khai (trước thuế)	100 000
Tiền BVMT	0
Tiền thuế	8 000
Tổng tiền	108 000

✕

- Chỉ tiêu chi phí: Hiện thị danh sách các chỉ tiêu chi phí được gán cho CH và khai báo “Duyệt theo định mức = không theo định mức” tại phần cấu hình [Chỉ tiêu chi phí khoán](#).

Bổ sung:

- Tạo mới mức thuế suất 3.5%, 7%, 8% ở danh mục biểu thuế suất.
- Chặn lưu chứng từ khi nhập trùng "Mẫu HĐ-Số xê ri", "Số hóa đơn", "Loại hóa đơn" ở Tab "Hóa đơn giá trị gia tăng".
- Cho phép tạo nhiều chứng từ trùng "Mẫu HĐ-Số xê ri", "Số hóa đơn" nhưng khác "Loại hóa đơn" (thuế suất).

Màn hình cập nhật bổ sung mức VAT

Hóa đơn chi phí ngoài định mức
BK9.1501

Ngày: 8/2/2022

Phân kê chi phí **Hóa đơn GTGT**

Kỳ thanh toán: 2202 - Tháng 2 năm 2011 Ghi chú:

Loại hóa đơn: VAT 0%
 Ngày hóa đơn:
 Mẫu HĐ-Số xê ri:
 Số hóa đơn:
 Công ty xuất hóa đơn: XD- Cty XDKVI- Cty TNHH MTV
 MST:
 Địa chỉ: h Công - P. Thành Công- Ba Đình-
 Tiền kê khai (trước thuế):
 Tiền BVMT: 0
 Tiền thuế: 16 000
 Tổng tiền: 216 000

chọn mức Vat

VAT 0%
 VAT 10%
 Trục tiếp
 VAT 3.5%
 VAT 8%
 VAT 9%
 VAT 0%
 Không VAT
 VAT 7%

❖ **Biên lai, biên nhận (Tcode:BK10)**

B1: Nhấn chọn Biên lai, biên nhận

• Chứng từ trong định mức

Hóa đơn

Biên lai, Biên nhận

• Chứng từ chi phí bất thường

Hóa đơn

Biên lai, Biên nhận

B2: Nhập thông tin thực tế

Bảng kê CP khoán ngoài ĐM không hóa đơn

Ngày chứng từ: 20/7/2020 Ngày lập: 20/7/2020 15:37

Phân kê số lượng khoán theo BVT

Kỳ thanh toán: 2001 - T1.2020 Ghi chú:

Chi tiêu chi phí	Số lượng	Loại hình KD	Hạng mục phí	Phương thức	Số tiền
1 CP011 - CP Hỗ trợ bán hàng DMN (@VNE)	0	02 - Dầu mỡ nhờn	6417103000 - CPKD - Chi phí hỗ trợ bán hàng	Bán lẻ	50 000 X

STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Ngày chứng từ	Ngày chứng từ	01/01/2018	Tự nhập	X
2	Ngày lập	Ngày biên lai, biên nhận	09/02/2018	Tự nhập	X
3	Kỳ thanh toán	Kỳ thanh toán	Tháng 01/2018	Hệ thống tự load	X
4	Chỉ tiêu chi phí	Chỉ tiêu chi phí	Chi phí hành chính	Chọn từ danh sách	X
5	Loại hình KD	Loại hình Kinh doanh. Hệ thống tự load LHKD được khai báo trong “chỉ tiêu chi phí” được chọn ở trên		Hệ thống tự load	
6	Hạng mục phí	Hạng mục chi phí. Hệ thống tự load Hạng mục phí được khai báo trong “chỉ tiêu chi phí” được chọn ở trên		Hệ thống tự load	X
7	Số lượng	Số lượng kê khai	0	Tự nhập theo chứng từ	X
8	Số tiền	Số tiền kê khai		Tự nhập theo chứng từ	X
9	Phương thức	Phương thức bán hàng		Lựa chọn	X

5.3. CH gửi Đề nghị phê duyệt chi phí

Mục đích: CH gửi “Đề nghị Phê duyệt” chi phí lên VP

Thực hiện: User CH

Phạm vi: CH

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Cửa hàng/Màn hình Quản trị chi phí

Điều kiện thực hiện:

- CH đã khai báo và kiểm tra các chứng từ đã kê khai đảm bảo chính xác.

- Trạng thái = Mở kỳ

Bước 1: Nhấn link “Đề nghị phê duyệt”

Kỳ thanh toán: 2507 - Kỳ thanh toán 07 năm 2025
Trạng thái: **Mở kỳ**
Ngày đề nghị phê duyệt: Ngày phê duyệt:

Đề nghị phê duyệt

Tổng hợp định mức khoản Chứng từ chi phí

#	Chi tiêu chi phí	Kỳ QT	ĐVT	Số định mức			Số đã thanh toán kỳ trước	Số kê khai kỳ này	Số còn lại
				SL	H/s	H/s đ. chỉnh			
1	CP721042 - CPKD - Bảo hiểm khác	Kỳ quyết toán 07 năm 2025	VND	1,00	1,00				
2	CP72101 - CPKD - CP bồi thường độc hại	Kỳ quyết toán 07 năm 2025	VND	1,00	1,00				
3	CPGAS01 - CPKD - CP bồi thường độc hại	Kỳ quyết toán 07 năm 2025	VND	1,00	1,00				
4	CPGAS02 - CPKD - Chi phí đầu/ nhớt thay máy xe gas	Kỳ quyết toán 07 năm 2025	VND	1,00	1,00				
5	CPGAS04 - CPKD - CCDC - Bàn và ghế	Kỳ quyết toán 07 năm 2025	VND	1,00	1,00				
6	CPGAS05 - CPKD - CCDC - Thiết bị tin học văn phòng	Kỳ quyết toán 07 năm 2025	VND	1,00	1,00				
7	CPGAS06 - CPKD - CCDC - Dụng cụ phòng cháy chữa cháy	Kỳ quyết toán 07 năm 2025	VND	1,00	1,00				
8	CPGAS08 - CPKD - CCDC - Khác	Kỳ quyết toán 07 năm 2025	VND	1,00	1,00				
9	CPGAS10 - CPKD - Thuê ngoài sửa chữa nhà cửa vật kiến trúc	Kỳ quyết toán 07 năm 2025	VND	1,00	1,00				
10	CPGAS11 - CPKD - Thuê ngoài sửa chữa máy móc thiết bị	Kỳ quyết toán 07 năm 2025	VND	1,00	1,00				
11	CPGAS12 - CPKD - Thuê ngoài sửa chữa máy móc thiết bị	Kỳ quyết toán 07 năm 2025	VND	1,00	1,00				

Bước 2: Nhấn button “Gửi đề nghị phê duyệt”

Các chứng từ kê khai chi phí sẽ không sửa được. Muốn sửa cần “Hủy đề nghị phê duyệt”

Đề nghị phê duyệt khoản mục phí

Kỳ thanh toán: 1801 - Tháng 1-2018, Đang ở trạng thái: **Mở kỳ**
(Mở kỳ có thể đề nghị phê duyệt, Đang đề nghị phê duyệt có thể hủy đề nghị, Đã phê duyệt: không được thay đổi trạng thái kỳ, muốn thay đổi cần Công ty hủy phê duyệt)

Gửi đề nghị phê duyệt

I. Thông tin chi phí thuộc định mức, kê khai

#	Chi tiêu chi phí	Kỳ QT	ĐVT	Số định mức			Đã thanh toán	Kê khai kỳ này	Số còn lại
				SL	H/s	HS đ. chỉnh			
1	01_KV1 Điện SL - CP tiền điện	Tháng 01 2018	Kwh	2,944	1.00	1.00		3,276	(332)
2	01_KV2 Điện - CP Điện chiếu sáng	Tháng 01 2018	Kwh		1.00	1.00			
3	01_NA - CP Điện chiếu sáng	Tháng 01 2018	VND		1.00	1.00			
4	01_NA_DMN - CP Điện chiếu sáng	Tháng 01 2018	VND		1.00	1.00			
5	01_NA_GAS - CP Điện chiếu sáng	Tháng 01 2018	VND		1.00	1.00			
6	01_NA_SON - CP Điện chiếu sáng	Tháng 01 2018	VND		1.00	1.00			
7	02_1 - CP Nước cn	Tháng 01 2018	M3		1.00	1.00			
8	02_KV1 Nước SL - CP tiền nước	Tháng 01 2018	M3	46	1.00	1.00		48	(2)
9	02_KV2 Nước - CP Nước sinh hoạt	Tháng 01 2018	M3		1.00	1.00			
10	02_NA - CP Điện thoại	Tháng 01 2018	VND		1.00	1.00			
11	02_NA_DMN - CP Điện thoại	Tháng 01 2018	VND		1.00	1.00			
12	02_NA_GAS - CP Điện thoại	Tháng 01 2018	VND		1.00	1.00			

Sau khi gửi, màn hình có trạng thái như hình:

Kỳ thanh toán: 2507 - Tháng 07 năm 2025
Trạng thái: **Đề nghị phê duyệt**
Ngày đề nghị phê duyệt: 31/7/2025 14:06 Ngày phê duyệt:

Hủy đề nghị phê duyệt

Tổng hợp định mức khoản Chứng từ chi phí

#	Chi tiêu chi phí	Kỳ QT	ĐVT	Số định mức			Số đã thanh toán kỳ trước	Số kê khai kỳ này	Số còn lại
				SL	H/s	H/s đ. chỉnh			
1	CP01_XDS - Bồi thường độc hại, thuốc y tế_XDS	Tháng 07 năm 2025	VND	60.000	1,00	1,00		10.000	50.000
2	CP02_XDS - Bảo hộ lao động_XDS	Tháng 07 năm 2025	VND	304.000	1,00	1,00			304.000
3	CP03_XDS - Tiền điện_XDS	Tháng 07 năm 2025	VND	4.359.216	1,00	1,00			4.359.216

Các chứng từ kê khai chi phí sẽ không sửa được. Muốn sửa cần “Hủy đề nghị phê duyệt”

5.4. Phê duyệt chi phí cho Cửa hàng

a. Phê duyệt chi phí theo định mức

Mục đích: VP/CH phê duyệt chứng từ chi phí theo định mức cho các CH

Thực hiện: User VP/CH (Cấu hình phân quyền)

Phạm vi: CompanyCode/CH

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Cửa hàng/ Phê duyệt chứng từ theo định mức

Điều kiện thực hiện: CH đã gửi “Đề nghị phê duyệt chi phí” lên VP

Thao tác:

- Chọn CH, Kỳ thanh toán.
- Tích chọn các chỉ tiêu muốn phê duyệt và nhấn button “Phê duyệt”.

Có thể “Hủy phê duyệt” đối với những chỉ tiêu đã phê duyệt nếu CH chưa gửi “Đề nghị thanh toán”

Phê duyệt chứng từ chi phí theo định mức

Cửa hàng: 212008 Kỳ thanh toán: 1001 - Tháng 1-2018

Chỉ tiêu: * Title ghi chú: ...

Tình trạng: Chưa phê duyệt Đã phê duyệt Cả hai

Chọn đầu ra: HTML Close after print

Phê duyệt	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu chi phí	EVT	Đơn vị	Số lượng	Hệ số	Đơn giá	Hệ số điều chỉnh	Số đã thanh toán	Số còn lại	Số kê khai kỳ này	Số phê duyệt (hầu hết)	Thước tiền
☐	CH05	01_KV1 Điện SL - CP sản xuất	Kinh		2.943.97	1.00	3.388.00	1.00	2.943.97	3.276.00		3.276	7.095.528
☐	CH05	02_KV1 Nước SL - CP sản xuất	NH		46.00	1.00	22.968.00	1.00	46.00	46.00		46	1.017.114
☐	CH05	03_KV1 Khác SL - CP sản xuất	VND		7.540.000.00	1.00	1.00	1.00	7.540.000.00	8.188.344.00			7.540.000
☐	CH05	04_KV1 XĐ sản phẩm - Chi phí hỗ trợ bán hàng XĐ sản phẩm	VND		9.205.071.00	1.00	1.00	1.00	9.205.071.00	9.205.071.00			9.205.071
☐	CH05	12_KV1 CPHC - CP hành chính	VND		9.957.732.00	1.00	1.00	1.00	9.957.732.00	11.201.036.00			9.957.732
☐	CH05	14_KV1 Khác - CP khác	VND		1.00	1.00	1.00	1.00		733.424.00		733.424	
☐	CH05	26_KV1 DMB - CP hỗ trợ bán hàng	VND		9.200.000.00	1.00	1.00	1.00	9.200.000.00	9.200.000.00			9.200.000
		TỔNG CỘNG											43.585.445

Quy tắc phê duyệt:

Quy tắc 1: Phê duyệt từng chỉ tiêu:

- Phần mềm cho phép phê duyệt một hoặc nhiều chỉ tiêu cùng một lúc. Phê duyệt chỉ tiêu nào thì chứng từ kê khai tương ứng chỉ tiêu đó không sửa được.
- Màn hình chi phí tại CH chuyển trạng thái “Đã phê duyệt chi phí” khi tất cả các chỉ tiêu trong định mức được phê duyệt.

Quy tắc 2: Hệ thống tự động xác định Số phê duyệt theo nguyên tắc:

- CEN_REF = ALL_INV: Mặc định số phê duyệt = Số kê khai
- CEN_REF <> ALL_INV: Số phê duyệt = Min (Số kê khai, Định mức)

Quy tắc 3: Nếu có nhiều chứng từ liên quan thì tự động xác định chứng từ dùng để thanh toán theo thứ tự ưu tiên:

- + Hóa đơn VAT (ưu tiên mức thuế suất cao → thấp)
- + Biên lai/ Giấy biên nhận

b. Phê duyệt chi phí bất thường

Mục đích: VP phê duyệt chứng từ chi phí bất thường cho các CH

Thực hiện: User VP

Phạm vi: CompanyCode/CH

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Cửa hàng/ Phê duyệt chứng từ chi phí bất thường

Điều kiện thực hiện: CH đã gửi “Đề nghị phê duyệt chi phí” lên VP

Thao tác:

- Chọn CH, Kỳ thanh toán.
- Nhập số phê duyệt (Nếu không nhập hệ thống mặc định số phê duyệt = Số kê khai)
- Tích chọn các chỉ tiêu muốn phê duyệt và nhấn button “Phê duyệt”.

Phê duyệt chứng từ chi phí bất thường

Cửa hàng : 212037 Kỳ thanh toán : 1810 - Tháng 10-2018

Chỉ tiêu : Tìm ghi chú :

Tình trạng : ☒ Chưa phê duyệt ☐ Đã phê duyệt ☐ Cả hai

Chọn đầu ra : HTML > > Close after print

Ngày-giờ phê duyệt: 17/12/2018 20:58 **Phê duyệt**

	Cửa hàng	Chứng từ		Chỉ tiêu chi phí	ĐVT	Số kê khai	Số phê duyệt (Nếu khác)
		Số	Ngày				
1	212037	BK9.2403	1/10/2018	CP_12 - CP điện cố định_NĐM	Kwh	3,425,711	2 000 000
TỔNG CỘNG						3,425,711	

Lưu ý:

Chức năng phê duyệt chi phí bất thường: Phân quyền cho VPCTy thực hiện. Cho phép người dùng sửa lại giá trị phê duyệt nhưng tối đa bằng giá trị chứng từ kê khai.

6. TÍCH HỢP SAP

6.1. Nguyên tắc map giữa EGAS và SAP

- Dữ liệu tích hợp bao gồm: Các chứng từ chi phí được duyệt (Hóa đơn, Biên lai, Biên nhận.
- Tích hợp chi tiết theo Số HĐ/Ngày HĐ/Thông tin Tên và MST người bán/Nội dung CP/KPM...
- Ngày hạch toán chứng từ là ngày chứng từ của chứng từ chi phí BK3, BK5, BK9, BK10.
- Điều kiện có thể kết xuất dữ liệu chi phí là trạng thái kỳ thanh toán = Đã phê duyệt.

6.2. Khai báo bảng Map tích hợp

a. Map Khoản mục phí

Mục đích: Map Khoản mục phí với Tài khoản chi phí

Thực hiện: Administrator

Phạm vi: MD toàn hệ thống

Đường dẫn: Tích hợp/Master Data Global/ Map Khoản mục phí

Map khoản mục phí - tài khoản				
Thêm Lưu (Ctrl-S) Refresh Trang 1 Đến trang: 1 2				
	[Sys Key]	KMP	Tài khoản phí	
1	1	6411153000 - CPKD - CP bảo hộ lao động	6411153000	
2	2	6411154000 - CPKD - CP bồi dưỡng độc hại	6411154000	
3	3	6412061000 - CPKD - Chi phí nguyên vật liệu	6412061000	
4	4	6412062000 - CPKD - Chi phí nhiên liệu	6412062000	
5	5	6412063000 - CPKD - Chi phí xăng dầu, bình điện	6412063000	
6	6	6412068000 - CPKD - Chi phí nguyên vật liệu khác	6412068000	
7	7	6413031010 - CPKD - CCDC - Bàn và ghế	6413031010	
8	8	6413031020 - CPKD - CCDC - Thiết bị tin học viễn thông	6413031020	
9	9	6413031030 - CPKD - CCDC - Dụng cụ phòng cháy chữa cháy	6413031030	
10	10	6413031040 - CPKD - CCDC - Dụng cụ hóa nghiệm, đo lường	6413031040	
11	11	6413031080 - CPKD - CCDC - Khác	6413031080	
12	12	6413031090 - CPKD - CCDC - Bàn ghế	6413031090	

b. Khai báo CostCenter:

Đơn vị khai báo CostCenter theo một trong hai cách sau:

- **C1-** Khai báo CostCenter tại Hạng mục chi phí: Dùng trong trường hợp mỗi khoản mục phí tương ứng với một CostCenter
- **C2-** Khai báo CostCenter tại Map mã CHXD: Dùng trong trường hợp mỗi CHXD tương ứng một CostCenter

Khi tích hợp, phần mềm ưu tiên CostCenter được khai báo tại Hạng mục chi phí (C1). Nếu CostCenter tại danh mục này bỏ trống thì sẽ lấy trên bảng Map mã CHXD (C2).

❖ Khai báo CostCenter tại Hạng mục phí

Mục đích: Khai báo thông số CostCenter để map Hạng mục chi phí với CostCenter tương ứng của SAP

Thực hiện: Key User

Phạm vi: MD mức Company Code

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Cấu hình/Hạng mục chi phí khoán

Hạng mục chi phí khoán				
Thêm Lưu (Ctrl-S) Refresh Time: Any Show 100 lines [IMPORT] (?)				
Mã	Tên	Nhóm chi phí	CostCenter	Cost Category
1 CPKD001	CPKD - CP bồi dưỡng độc hại	6411154000 - CPKD - CP bồi dưỡng độc hại		Chi phí
2 CPKD002	CPKD - Sửa chữa tự làm TSCĐ khác	6417052000 - CPKD - Sửa chữa tự làm TSCĐ khác		Chi phí
3 CPKD003	CPKD - Bảo quản - Vệ sinh CN môi trường	6417071200 - CPKD - Bảo quản - Vệ sinh CN môi trường		Chi phí
4 CPKD004	CPKD - Bảo quản - Cắt cỏ, trồng cây	6417071300 - CPKD - Bảo quản - Cắt cỏ, trồng cây		Chi phí
5 CPKD005	CPKD - Bảo quản - Kiểm định	6417071500 - CPKD - Bảo quản - Kiểm định		Chi phí
6 CPKD006	CPKD - Bảo quản - Khác	6417071900 - CPKD - Bảo quản - Khác		Chi phí
7 CPKD007	CPKD - Cuộc phí vận chuyển thuê ngoài	6417081100 - CPKD - Cuộc phí vận chuyển thuê ngoài		Chi phí
8 CPKD008	CPKD - Phí Khác	6417081800 - CPKD - Phí Khác		Chi phí
9 CPKD009	CPKD - Chi phí hỗ trợ bán hàng	6417103000 - CPKD - Chi phí hỗ trợ bán hàng		Chi phí
10 CPKD010	CPKD - DVMN - Tiền Sản	6417120100 - CPKD - DVMN - Tiền Sản	2120237	Chi phí
11 CPKD011	CPKD - DVMN - Tiền nước	6417120200 - CPKD - DVMN - Tiền nước	2120237	Chi phí
12 CPKD012	CPKD - DVMN-Tiền DV thông tin liên lạc, viễn thông	6417123000 - CPKD - DVMN-Tiền DV thông tin liên lạc, viễn thông		Chi phí
13 CPKD013	CPKD - Chi phí vận phòng phẩm	6418131400 - CPKD - Chi phí vận phòng phẩm	2120236	Chi phí

❖ Khai báo CostCenter tại Map mã CHXD

Mục đích: Khai báo thông số CostCenter để map CH với CostCenter tương ứng của SAP

Thực hiện: Key User

Phạm vi: MD mức Company Code

Đường dẫn: Tích hợp/ Master Data Company/ Map mã CHXD - Storage Location

Map mã CHXD - Storage Location

Show 100 lines

	Thêm	Lưu (Ctrl-S)	Refresh	Any															
	Ma	Ma	Ma	Ma	Ma	Ma	Ma	Ma	Ma	Ma	Ma	Ma	Ma	Ma	Ma	Ma	Ma	Ma	Ma
	Ma	Ma	Ma	Ma	Ma	Ma	Ma	Ma	Ma	Ma	Ma	Ma	Ma	Ma	Ma	Ma	Ma	Ma	Ma
1	212004	212004	Cửa hàng xăng dầu số 04	9002	C21004	2102	1312000000	100P000006	200007	212004									
2	212002	212002	Cửa hàng xăng dầu số 02	9002	C21002	2102	1312000000	100P000006	200007	212002									
3	212005	212005	Cửa hàng xăng dầu số 05	9003	C21005	2103	1312000000	100P000007	200007	212005									
4	212004	212012	Cửa hàng xăng dầu số 12	9006	C21006	2106	1312000000	100P000010	200007	212004									
5	212005	212019	Cửa hàng xăng dầu số 19	9011	C21011	2111	1312000000	100P000015	200007	212005									
6	212006	212032	Cửa hàng xăng dầu số 32	9014	C21014	2114	1312000000	100P000017	200007	212006									

6.3. Kết xuất dữ liệu ra hệ thống trung gian

a. Khai báo Order chứng từ tích hợp

Mục đích: Khai báo danh mục Order chứng từ tích hợp. Danh mục này lấy dữ liệu từ SAP, chỉ áp dụng cho một số đơn vị.

Thực hiện: KeyUser

Phạm vi: MD Company Code

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương /Cửa hàng/ Order chứng từ tích hợp

Order chứng từ tích hợp

Thêm Lưu (Ctrl-S) Refresh

Ma	Tên
1 1000293	Dịch vụ cho thuê văn phòng
2 1000294	Dịch vụ thuê địa chỉ ATM
3 1000297	Dịch vụ cung cấp điện nước (thuê VP)
4 5200120	CÔNG TÁC PHÍ

b. Tích hợp

Mục đích: VP kết xuất dữ liệu ra hệ thống trung gian

Thực hiện: KeyUser

Phạm vi: MD Company Code

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương /Cửa hàng/ Tích hợp

Bước 1:

- Check chọn CH, Kỳ thanh toán. CHECK ALL chọn tất cả các CH
- Nhấn button EXPORT để đưa dữ liệu ra hệ thống trung gian

TÍCH HỢP DỮ LIỆU CHI PHÍ

Chọn cửa hàng Kỳ thanh toán chi phí 1809 - Tháng 9-2018

☒ [CHECK ALL]

☒ 212001 - Cửa hàng xăng dầu số 01 - UAT E-invoice

☒ 212004 - Cửa hàng xăng dầu số 04 - UAT E-invoice

☒ 212005 - Cửa hàng xăng dầu số 05 - UAT E-invoice

☒ 212006 - Cửa hàng xăng dầu số 06

☒ 212011 - Cửa hàng xăng dầu số 11

☒ 212012 - Cửa hàng xăng dầu số 12 - UAT E-invoice

☒ 212014 - Cửa hàng xăng dầu số 14 - UAT E-invoice

☒ 212016 - Cửa hàng xăng dầu số 16 - UAT E-invoice

☒ 212017 - Cửa hàng xăng dầu số 17

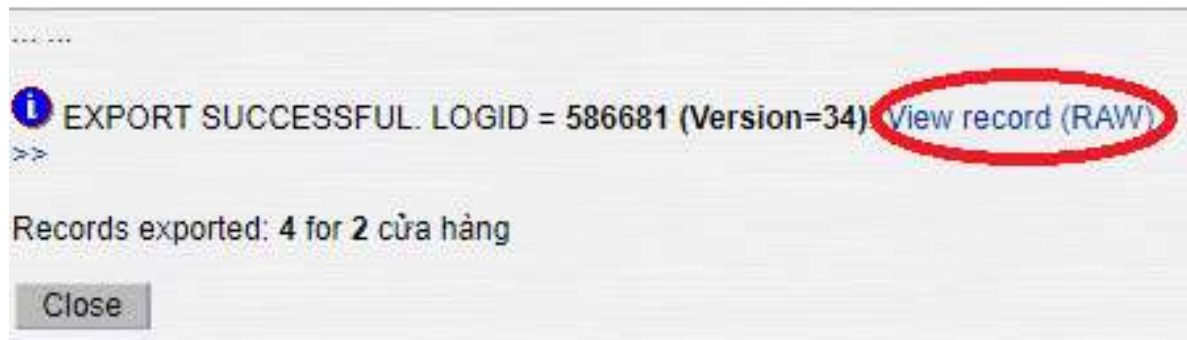
☒ 212018 - Cửa hàng xăng dầu số 18

☒ 212019 - Cửa hàng xăng dầu số 19

☒ Chứng từ thuộc định mức ☒ Chứng từ ngoài định mức

EXPORT

Bước 2: - Nhấn link “View record (RAW)>>” để xem dữ liệu



Chi tiết kết xuất dữ liệu chi phí

LogSnapID: 586681

CHKD: ☐

Ng chứng từ: ☐

Kỳ thanh toán: ☐

Chọn đầu ra: HTML ☐

Kỳ thanh toán 1767 - Tháng 7/2017

#	Cửa hàng/DocType	Ngày chứng từ	Hóa đơn			Thanh toán			Batch No	Line No	REMARKS					
			Tên	Số	Ngày	Khách	MST	Địa chỉ	Tiền thuế	Tổng tiền	Tiền thuế	Tiền tăng	Tổng tiền			
1	212001 - CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 01								880.182	5.692.000	944.500	5.740.000	6.284.000			
1	HOVAT	31/7/2017 9:00	AC2017	3	8/6/2017	Công ty VPP Hồng Hà	3	Hà Nội	18.182	230.000	15.000	150.000	105.000	HOVAT.2101.1495679400	1	
2	HOVAT	31/7/2017 9:00	AB2017	2	8/5/2017	Công ty nước Đông Anh	2	Gia Lâm - Hà Nội	12.000	252.000	12.000	240.000	252.000	HOVAT.2101.1495679400	1	
3	HOVAT	31/7/2017 9:00	RA2017	1	8/5/2017	Công ty Dịch vụ Logistics	1	Lạng Bành - Hà Nội	650.000	7.150.000	600.000	5.000.000	5.500.000	HOVAT.2101.1495679400	1	
4	HOVAT	31/7/2017 9:00	AC2017	4	8/6/2017	Công ty VPP Hồng Hà	3		1.900.000	17.500	300.000	307.500	HOVAT.2101.1495679400	1		
TỔNG CỘNG									880.182	5.692.000	944.500	5.740.000	6.284.000			

Lưu ý: Thông tin "Diễn giải": ưu tiên lấy "diễn giải" chi tiết từng chỉ tiêu. Nếu không cập nhật chi tiết thì lấy diễn giải tổng cập nhật ở "Ghi chú".

c. Cập nhật Order – Chi phí chi tiền

Mục đích: Cập nhật Order vào dữ liệu kết xuất từ CH có chi tiền từ “Quỹ công ty”. Chỉ dùng cho một số đơn vị.

Điều kiện thực hiện:

- Đã khai báo danh mục Order Chứng từ tích hợp
- Dữ liệu kết xuất có tài khoản phí 627*

Thực hiện: KeyUser

Phạm vi: Company Code

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương /Cửa hàng/ Cập nhật Order – Chi phí chi tiền

Thao tác:

- Chọn LogSnapID/ Tài khoản phí / SaleOffice
- Cập nhật trường Oder1 và nhấn “Lưu (Ctrl+S)”

Cập nhật Order chứng từ chi phí chi tiền
6277111000 - 6277111000 (2103) - Cửa hàng xăng dầu số 05

Chọn tài khoản phí: Show 100 lines Chọn cửa hàng:

Lưu (Ctrl+S) Refresh LogSheet 552283 Tài khoản phí: 6277111000 - 6277111000 SALEOFFICE

DOCTYPE	SALEOFFICE	CREATE_DATE	ID_TRANSACTION	VERSIONS	POSTINGDATE	PERIOD	ACCOUNT_1	GLACCOUNT	AMOUNT1	TEXT1	GLACCOUNT1	AMOUNT2
1 CT	2103 - Cửa hàng xăng dầu số 05	30/03/2018 8:18:57 AM	HDVATKHAC 2103 41	16	12/31/2017	12	C21005	1388800000	633881	CP khác (bên điện th	6277111000 - 6277111000	57609
2 CT	2103 - Cửa hàng xăng dầu số 05	31/03/2018 3:35:47 PM	HDVATKHAC 2103 41	14	12/31/2017	12	C21004	1388800000	633881	CP khác (bên điện th	6277111000 - 6277111000	57609

QUANTITY	TEXT1	GLACCOUNT1	AMOUNT1	COSTCENTER	ORDER1
633881	CP khác (bên điện th	6277111000 - 6277111000	576095		6200120 - CÔNG TÁC PHÍ
633881	CP khác (bên điện th	6277111000 - 6277111000	576095		1000293 - Dịch vụ cho thuê văn phòng
					1000294 - Dịch vụ thuê địa chỉ ATM
					1000297 - Dịch vụ cung cấp Điện nước (Thuế VP)

d. Cập nhật Order – Chi phí luân chuyển công nợ

Mục đích: Cập nhật Order vào dữ liệu kết xuất từ CH có “Bù trừ công nợ”. Chỉ dùng cho một số đơn vị.

Điều kiện thực hiện:

- Đã khai báo danh mục Order Chứng từ tích hợp
- Dữ liệu kết xuất có tài khoản phí 627*

Thực hiện: KeyUser

Phạm vi: Company Code

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương /Cửa hàng/ Cập nhật Order – Chi phí chi tiền

Thao tác: Tương tự Cập nhật Order- Chi phí chi tiền.

Cập nhật Order chứng từ chi phí luân chuyển công nợ
595981 - Tháng 1-2018

Lưu (Ctrl+S) Refresh LogSheet 555981 - Tháng 1-2018 Tài khoản phí: SALEOFFICE

DOCTYPE	SALEOFFICE	CREATE_DATE	ID_TRANSACTION	VERSIONS	POSTINGDATE	PERIOD	ACCOUNT_1	GLACCOUNT	AMOUNT1	TEXT1	GLACCOUNT1
1 LCCN	2105	6/1/2018 8:07:36 AM	HDVATKHAC 2105 41	53	5/31/2018	1	C21007	1388800000	4814970	TIỀN ĐIỆN KV2 cho t	6277111000
2 LCCN	2105	6/1/2018 8:07:36 AM	HDVATKHAC 2105 41	53	5/31/2018	1	C21007	1388800000	921250	TIỀN NƯỚC cho thuê	6277112090

AMOUNT2	COSTCENTER	ORDER1
4377245	21202003	1000293 - Dịch vụ cho thuê văn phòng
837500	21202002	1000099 - Mặt bằng điện nước
		5200120 - CÔNG TÁC PHÍ
		1000293 - Dịch vụ cho thuê văn phòng
		1000294 - Dịch vụ thuê địa chỉ ATM
		1000297 - Dịch vụ cung cấp Điện nước (Thuế VP)

6.4. View dữ liệu kết xuất

Thông tin "Diễn giải": ưu tiên lấy "diễn giải" chi tiết từng chỉ tiêu. Nếu không cập nhật chi tiết thì lấy diễn giải tổng cập nhật ở "Ghi chú".

a. View dữ liệu chi phí luân chuyển công nợ

Mục đích: VP View dữ liệu của các CH có “Bù trừ công nợ” để xem dữ liệu đã kết xuất ra hệ thống trung gian, phục vụ đối chiếu số liệu trước tích hợp SAP

Thực hiện: KeyUser

Phạm vi: Company Code

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương /Cửa hàng/ View dữ liệu -Chi phí luân chuyển công nợ

Thao tác: - Nhập LogSnapID để xem dữ liệu tương ứng

Dữ liệu chi phí luân chuyển công nợ

LogSnapID : 580581

Chọn đầu ra : HTML

Close after print

Kỳ thanh toán Tháng 7/2017

ID_TRANS	LOGSNAPID	Document date 1	Document type	Company Code	Sale office	Create date	ID transaction	STT	Version	Items	Posting date	Period	Currency	Posting key 1	Account 1	GL Account	Amount 1	Text 1	
1	HDVAT	580581	7/31/2017	LCCN	2120	2101	12/13/2017 4:24:42 PM	HDVAT.2101.1495670400	1	32	1	7/31/2017	7	VND	11	C21003	1388800000	195000	Chi phí bán lẻ XD khác
2	HDVAT	580581	7/31/2017	LCCN	2120	2101	12/13/2017 4:24:42 PM	HDVAT.2101.1495670400	1	32	1	7/31/2017	7	VND	11	C21003	1388800000	367500	Chi phí bán lẻ XD khác
3	HDVAT	580581	7/31/2017	LCCN	2120	2101	12/13/2017 4:24:42 PM	HDVAT.2101.1495670400	1	32	1	7/31/2017	7	VND	11	C21003	1388800000	5500000	Kinh phí thấp sáng
4	HDVAT	580581	7/31/2017	LCCN	2120	2101	12/13/2017 4:24:42 PM	HDVAT.2101.1495670400	1	32	1	7/31/2017	7	VND	11	C21003	1388800000	252000	Nhuộm

b. View dữ liệu chi phí chi tiền

Mục đích: VP View dữ liệu của các CH chi tiền từ “Quỹ công ty” để xem dữ liệu đã kết xuất ra hệ thống trung gian, phục vụ đối chiếu số liệu trước tích hợp SAP

Thực hiện: KeyUser

Phạm vi: Company Code

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương /Cửa hàng/ View dữ liệu - Chi phí chi tiền

Thao tác: - Nhập LogSnapID để xem dữ liệu tương ứng

Dữ liệu chi phí chi tiền

LogSnapID : 580582

Chọn đầu ra : HTML

Kỳ thanh toán Tháng 7/2017

ID_Trans	Log Snap ID	Document date 1	Document type	Company Code	Sale office	Create date	ID transaction	STT	Version	Items	Posting date	Period	Currency	Posting key 1	Account 1	GL Account	Amount 1	Text 1	Posting key 2	Account 2	GL Account 2	Amount 2	Cost Center
1	HDVAT	580582	7/31/2017	CT	2120	2101	12/13/2017 4:26:34 PM	HDVAT.2101.1495670400	1	33	1	7/31/2017	7	VND	11	C21003	1388800000	150000	Chi phí bán lẻ XD khác	40	0100000000	150000	212001
2	HDVAT	580582	7/31/2017	CT	2120	2101	12/13/2017 4:26:34 PM	HDVAT.2101.1495670400	1	33	1	7/31/2017	7	VND	11	C21003	1388800000	367500	Chi phí bán lẻ XD khác	40	0100000000	367500	212001
3	HDVAT	580582	7/31/2017	CT	2120	2101	12/13/2017 4:26:34 PM	HDVAT.2101.1495670400	1	33	1	7/31/2017	7	VND	11	C21003	1388800000	5500000	Kinh phí thấp sáng	40	0417130000	5000000	212001

c. View log kết xuất dữ liệu

Mục đích: VP View log dữ liệu kết xuất của các CH

Thực hiện: KeyUser

Phạm vi: Company Code

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương /Cửa hàng/ View Log kết xuất dữ liệu

Thao tác:

- Chọn Kỳ thanh toán, nhập User ID. Chạy báo cáo
- Nhấn link tương ứng tại cột Log Snap ID để xem dữ liệu tương ứng

Logs kết xuất dữ liệu chi phí

Kỳ thanh toán : 1707 - Tháng 7/2017

User ID : 212admin

Chọn đầu ra : HTML ☐ Close after print

	Log Snap ID	Log DateTime	Kỳ thanh toán	Version	User ID
1	584481	11/23/2017 1:27:12 PM	1707 - Tháng 7/2017	1	212admin
2	584482	11/23/2017 1:28:58 PM	1707 - Tháng 7/2017	2	212admin
3	584581	11/24/2017 8:28:47 AM	1707 - Tháng 7/2017	3	212admin
4	584681	11/27/2017 3:41:31 PM	1707 - Tháng 7/2017	4	212admin

Có thể xem thêm báo cáo Chi phí- tiền lương /Cửa hàng/ Bảng tổng hợp trạng thái kết xuất dữ liệu

Bảng tổng hợp trạng thái kết xuất dữ liệu cửa hàng

CHXD

Kỳ thanh toán : 1707 - Tháng 7/2017

Chọn đầu ra : HTML ☐ Close after print

#	Cửa hàng	Version 1	Version 2	Version 3	Version 4	Total
1	212018 - Cửa hàng xăng dầu số 18	1	1	1	1	4
	TỔNG CỘNG	1	1	1	1	4

7. KHAI THÁC BÁO CÁO

Các báo cáo có bổ sung Biên lai, biên nhận - Chứng từ chi phí bất thường (BK10):

- Bảng tổng hợp trạng thái phê duyệt theo CH
- Bảng tổng hợp trạng thái phê duyệt theo CH – KMP
- Bảng đề nghị thanh toán
- Bảng đề nghị thanh toán NA
- Bảng đề nghị thanh toán-Tổng chỉ tiêu
- Bảng kê chứng từ thanh toán
- Bảng kê chứng từ thanh toán-VP
- Tổng hợp tình hình định mức chi phí
- Bảng kê chi phí khoán đã quyết toán
- Bảng kê tổng hợp khoán đã quyết toán
- Bảng kê tổng hợp chi phí

7.1. Bảng tổng hợp trạng thái phê duyệt theo CH

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương / B/cáo CH/ Bảng tổng hợp trạng thái phê duyệt

Xi nghiệp bán lẻ xăng dầu - Cty XD KV1 - Cty TNHH MTV

Cửa hàng : 212001,212036

Kỳ thanh toán : 1801 - Tháng 01 2018

Tình trạng : ☒ Đã phê duyệt hết ☐ Chưa phê duyệt hết ☐ Cả hai

Chọn đầu ra : HTML

BẢNG TỔNG HỢP TRẠNG THÁI ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT THEO CỬA HÀNG

Kỳ thanh toán: 1801 - Tháng 01 2018

STT	Cửa hàng	Trạng thái				Chỉ tiêu	
		Đề nghị phê duyệt	Phê duyệt	Đề nghị thanh toán	Duyệt chi	Tổng số	Số phê duyệt
1	Cửa hàng xăng dầu số 01	19/3/2018 10:38	5/4/2018 17:00			3	3
2	Cửa hàng xăng dầu số 36(LienNTB)	9/5/2018 14:44	9/5/2018 16:51	9/5/2018 17:02	9/5/2018 17:03	5	5

Ngày giờ in: 10/5/2018 09:25

LẬP BIỂU **PHÊ DUYỆT**

Khi kích chọn vào Link CHXD hệ thống tự động link đến báo cáo: [Bảng tổng hợp trạng thái phê duyệt theo CH-KMP](#)

7.2. Bảng tổng hợp trạng thái phê duyệt theo CH-KMP

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương / B/cáo CH/ Bảng tổng hợp trạng thái phê duyệt theo CH-KMP

Xi nghiệp bán lẻ xăng dầu - Cty XD KV1 - Cty TNHH MTV

Cửa hàng : 212036

Kỳ thanh toán : 1801 - Tháng 01 2018

Chỉ tiêu :

Tình trạng : ☒ Đã phê duyệt ☐ Chưa phê duyệt ☐ Cả hai

Chọn đầu ra : HTML

BẢNG TỔNG HỢP TRẠNG THÁI PHÊ DUYỆT THEO CỬA HÀNG-KMP

Kỳ thanh toán: 1801 - Tháng 01 2018

STT	Chỉ tiêu chi phí	Trạng thái				Số lượng	
		Đề nghị phê duyệt	Phê duyệt	Đề nghị thanh toán	Duyệt chi	Phê duyệt	Chỉ tiêu
1	CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 36(LIENNTB)					5	5
1	CP Nước	9/5/2018 14:44	9/5/2018 16:16	9/5/2018 17:02	9/5/2018 17:03	1	1
2	CP Điện chiếu sáng	9/5/2018 14:44	9/5/2018 16:42	9/5/2018 17:02	9/5/2018 17:03	1	1
3	CP trực đêm	9/5/2018 14:44	9/5/2018 16:51	9/5/2018 17:02	9/5/2018 17:03	1	1
4	Chi phí ăn ca	9/5/2018 14:44	9/5/2018 16:51	9/5/2018 17:02	9/5/2018 17:03	1	1
5	CP độc hại	9/5/2018 14:44	9/5/2018 16:51	9/5/2018 17:02	9/5/2018 17:03	1	1
	TỔNG CỘNG					5	5

Ngày giờ in: 10/5/2018 09:30

7.3. Bảng kê tổng hợp số tiền chi phí theo CH

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương / B/cáo CH/ Bảng kê tổng hợp số tiền chi phí theo CH

Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu - Cty XD KV1 - Cty TNHH MTV							
Cửa hàng : 212036							
Kỳ thanh toán : 1801 - Tháng 1-2018							
Chọn đầu ra : HTML Close after print							
BẢNG KÊ TỔNG HỢP SỐ TIỀN CHI PHÍ THEO CỬA HÀNG							
Kỳ thanh toán: 1801 - Tháng 1-2018							
STT	Diễn giải	Định mức còn lại		Đề nghị		Phê duyệt	
		Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền
1	212036 - Cửa hàng xăng dầu số 36(LienNTB)	1,110,100.00	36,400,002	25.00	4,962,246	25.00	4,962,246
	TỔNG CỘNG	1,110,100.00	36,400,002	25.00	4,962,246	25.00	4,962,246
Ngày giờ in: 20/9/2018 14:00							
LẬP BIỂU				PHÊ DUYỆT			

Khi kích chọn vào Link CHXD hệ thống tự động link đến báo cáo: [Bảng tổng hợp số tiền chi phí theo CH-KMP](#)

7.4. Bảng kê tổng hợp số tiền chi phí theo CH-KMP

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương / B/cáo CH/ Bảng kê tổng hợp số tiền chi phí theo CH-KMP

Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu - Cty XD KV1 - Cty TNHH MTV							
Cửa hàng : 212036							
Kỳ thanh toán : 1801 - Tháng 1-2018							
Chỉ tiêu :							
Chọn đầu ra : HTML Close after print							
BẢNG KÊ TỔNG HỢP SỐ TIỀN CHI PHÍ THEO CỬA HÀNG-KMP							
Kỳ thanh toán: 1801 - Tháng 1-2018							
STT	Diễn giải	Định mức còn lại		Đề nghị		Phê duyệt	
		Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền
1	212036 - CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 36(LIENNTB)	1,110,100.00	36,400,002	25.00	4,962,246	25.00	4,962,246
1	CP khác (tiền điện thuê ĐĐ kw)	1,110,000.00					
2	CP Tiếp khách				2,000,000		2,000,000
3	CP Văn phòng phẩm		5,100,000		1,109,554		1,109,554
4	CP hành chính		25,000,001		1,500,000		1,500,000
5	CP trực đêm		500,000		76,346		76,346
6	CP Điện chiếu sáng	100.00	800,000	25.00	200,000	25.00	200,000
7	CP độc hại		5,000,000		76,346		76,346
8	Chi phí ăn ca		1				
	TỔNG CỘNG	1,110,100.00	36,400,002	25.00	4,962,246	25.00	4,962,246
Ngày giờ in: 20/9/2018 14:01							
LẬP BIỂU				PHÊ DUYỆT			

7.5. Bảng kê tổng hợp số tiền chi phí theo KMP-CH

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương / B/cáo CH/ Bảng kê tổng hợp số tiền chi phí theo KMP-CH

Xi nghiệp bán lẻ xăng dầu - Cty XD KV1 - Cty TNHH MTV Cửa hàng : 212036 Kỳ thanh toán : 1801 - Tháng 1-2018 Chỉ tiêu : Chọn đầu ra : HTML ☐ Close after print							
BẢNG KÊ TỔNG HỢP SỐ TIỀN CHI PHÍ THEO KHOẢN MỤC PHÍ-CỬA HÀNG Kỳ thanh toán: 1801 - Tháng 1-2018							
STT	Diễn giải	Định mức còn lại		Đề nghị		Phê duyệt	
		Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền
1	27_KV1 - CP KHÁC (TIỀN ĐIỆN THUÊ ĐD KW)	1,110,000.00					
1	212036 - Cửa hàng xăng dầu số 36(LienNTB)	1,110,000.00					
2	CP_01 - CP ĐIỆN CHIẾU SÁNG	100.00	800,000	25.00	200,000	25.00	200,000
1	212036 - Cửa hàng xăng dầu số 36(LienNTB)	100.00	800,000	25.00	200,000	25.00	200,000
3	CP_03 - CP HÀNH CHÍNH		25,000,001		1,500,000		1,500,000
1	212036 - Cửa hàng xăng dầu số 36(LienNTB)		25,000,001		1,500,000		1,500,000
4	CP_04 - CP VĂN PHÒNG PHẨM		5,100,000		1,109,554		1,109,554
1	212036 - Cửa hàng xăng dầu số 36(LienNTB)		5,100,000		1,109,554		1,109,554
5	CP_05 - CP TIẾP KHÁCH				2,000,000		2,000,000
1	212036 - Cửa hàng xăng dầu số 36(LienNTB)				2,000,000		2,000,000
6	CP_06 - CP ĐỘC HẠI		5,000,000		76,346		76,346
1	212036 - Cửa hàng xăng dầu số 36(LienNTB)		5,000,000		76,346		76,346
7	CP_07 - CP TRỰC ĐÊM		500,000		76,346		76,346

7.6. Bảng đề nghị thanh toán

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương / B/cáo CH/ Bảng đề nghị thanh toán

Xi nghiệp bán lẻ xăng dầu - Cty XD KV1 - Cty TNHH MTV Cửa hàng xăng dầu số 36(LienNTB) Cửa hàng : 212036 Kỳ thanh toán : 1801 - Tháng 1-2018 Chỉ tiêu : Chọn đầu ra : HTML ☐ Close after print										
BẢNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN Kỳ thanh toán: 1801 - Tháng 1-2018 ĐVT: Đồng										
STT	Chỉ tiêu chi phí	ĐVT	Định mức giao	Định mức còn lại		Số tiền được thanh toán				Ghi chú
				Lượng	Tiền	Tổng	Chưa thuế	Thuế GTGT	BVMT	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1	27_KV1 - CP khác (tiền điện thuê ĐD kw)	Kwh	1,110,000	1,110,000.00						
2	CP_01 - CP Điện chiếu sáng	Kwh	100	100.00	800,000	220,000	200,000	20,000		
3	CP_03 - CP hành chính	VND	25,000,001		25,000,001	1,550,000	1,500,000	50,000		
4	CP_04 - CP Văn phòng phẩm	VND	5,100,000		5,100,000	1,120,509	1,109,554	10,955		
5	CP_05 - CP Tiếp khách	VND	20,000,000		20,000,000	2,150,000	2,000,000	150,000		
6	CP_06 - CP độc hại	VND	5,000,000		5,000,000	83,980	76,346	7,634		
7	CP_07 - CP trực đêm	VND	500,000		500,000	83,981	76,346	7,635		
8	CP_08 - Chi phí ăn ca	VND	1		1					
	TỔNG CỘNG		56,710,102	1,110,100.00	56,400,002	5,208,470	4,962,246	246,224		
Ngày giờ in: 20/9/2018 14:04 CỬA HÀNG TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN GIÁM ĐỐC										

7.7. Bảng đề nghị thanh toán- Tổng chỉ tiêu

CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU QUẢNG NAM
PETROLIMEX-CỬA HÀNG 03

Cửa hàng : 401003

Kỳ thanh toán : 2507 - Tháng 07 năm 2025

Chỉ tiêu :

Chọn đầu ra : HTML ☐ Close after print

BẢNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN
 Kỳ thanh toán: 2507 - Tháng 07 năm 2025

ĐVT: Đồng

STT	Diễn giải	ĐVT	Định mức giao	Định mức còn lại		Số tiền được thanh toán				Ghi chú
				Lượng	Tiền	Tổng	Chưa thuế	Thuế GTGT	BVMT	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	CP Q.CÁO, TIẾP THỊ (DMN)		6.500.000,00		6.500.000					
1	Định mức	VNĐ	6.500.000,00		6.500.000					
2	CPKD - CHI PHÍ VẮN PHÒNG KHÁC (NƯỚC UỐNG)		2.226.000,00		2.226.000					
1	Định mức	VNĐ	2.226.000,00		2.226.000					
3	CHI PHÍ Q.CÁO, TIẾP THỊ.. (GAS)		9.490.555,00		9.490.555					
1	Định mức	VNĐ	9.490.555,00		9.490.555					
4	CHI PHÍ QUẢNG CÁO, TIẾP THỊ,...		11.378.731,00		11.378.731					
1	Định mức	VNĐ	11.378.731,00		11.378.731					
5	CHI PHÍ S.CHỮA NHỎ, B.QUẢN KHÁC		504.000,00		504.000					
1	Định mức	VNĐ	504.000,00		504.000					
6	CHI PHÍ TIỀN ĐIỆN		4.214.224,00		4.214.224					
1	Định mức	VNĐ	4.214.224,00		4.214.224					
7	CHI PHÍ VẮN PHÒNG KHÁC		462.963,00		462.963					
1	Định mức	VNĐ	462.963,00		462.963					
8	CHI PHÍ VẮN PHÒNG PHẨM		2.175.000,00		2.175.000					
1	Định mức	VNĐ	2.175.000,00		2.175.000					
9	CHI PHÍ VẮN PHÒNG PHẨM (GAS)		1.388.889,00		1.388.889					
1	Định mức	VNĐ	1.388.889,00		1.388.889					
10	CHI PHÍ VẬN CHUYỂN (DMN)		1.046.342,00		1.046.342					
1	Định mức	VNĐ	1.046.342,00		1.046.342					
11	CHI PHÍ VẬN CHUYỂN (GAS)		2.057.985,00		2.057.985					
1	Định mức	VNĐ	2.057.985,00		2.057.985					
12	CHI PHÍ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG		509.259,00		509.259					
1	Định mức	VNĐ	509.259,00		509.259					
	TỔNG CỘNG		41.953.948,00		41.953.948					

Ngày giờ in: 31/7/2025 14:27

CỬA HÀNG TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN GIÁM ĐỐC

7.8. Bảng kê chứng từ thanh toán - VP

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương / B/cáo CH/ Bảng kê chứng từ thanh toán

Cửa hàng : 212080

Kỳ thanh toán : 2108

Chỉ tiêu :

Mức thuế :

Chọn đầu ra : HTML

Close after print

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ THANH TOÁN CHI PHÍ

Kỳ thanh toán: 2108 - 9/2021

STT	Chứng từ			Hóa đơn			Chi tiêu		Loại hình KD	Hạng mục phí	Diễn giải	Số kê khai			Số				
	Ngày	Số	Loại	Ngày	Thuế suất	Mẫu-Seri	Số	MST				Tên khách	Chi tiêu phí	Số lượng	Tổng tiền	Chưa thuế	Thuế GTGT	BVMT	Số lượng
1	PETROLIMEX - CỬA HÀNG 80 - HANHOTH																		
1	30/9/2021	BK3.50365	HD VAT	19/9/2021	3.5	02GTTT3/001-29AB/21P	0042624	010101010101	Là Xuân Phong	CP khác (POS)	Xăng dầu	CPKĐ - DVMN - Tiền DV thông tin liên lạc, viễn thông	CP tháng 9	1.035.000	1.000.000	35.000			1.035.000
2	30/9/2021	BK9.1401	HD VAT	16/9/2021	7	02GTTT4/001-29AB/21P	0042625	0101010102	Là Xuân Phong	CP Hỗ trợ BH Sơn	Hàng hóa khác	CPKĐ - Chi phí hỗ trợ bán hàng	CP tháng 9	1.070.000	1.000.000	70.000			1.070.000
TỔNG CỘNG												2.105.000	2.000.000	105.000			2.105.000		

Khi kích chọn vào Link Số chứng từ hệ thống tự động hiển thị chứng từ kê khai

Lưu ý:

- Thông tin "Diễn giải": ưu tiên lấy "Diễn giải" được cập nhật chi tiết từng chi tiêu. Nếu không cập nhật chi tiết thì lấy diễn giải tổng cập nhật ở "Ghi chú"
- Không cho phép sửa trường Loại hình kinh doanh, Hạng mục phí chứng từ hóa đơn đầu vào đối với các chứng từ BK3, BK5, BK9, BK10 khi chọn xem chi tiết từng chứng từ tại báo cáo nếu:
 - Loại hình kinh doanh đã được cập nhật tại Chi phí – tiền lương/ Cấu hình/ Chi tiêu, chi phí, quỹ lương
 - Hạng mục phí đã được cập nhật tại Chi phí – tiền lương/ Cấu hình/ Chi tiêu, chi phí, quỹ lương

7.9. Bảng kê chứng từ thanh toán - CH

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương / B/cáo CH/ Bảng kê chứng từ thanh toán

CHI NHÁNH XĂNG DẦU HÀ NỘI-CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I-CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

PETROLIMEX- CỬA HÀNG 17

Kỳ thanh toán : 2401 - T1.2024

Chỉ tiêu

Số hóa đơn :

Mã số thuế

Chọn đầu ra : HTML

Close after print

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ THANH TOÁN CHI PHÍ

Kỳ thanh toán: 2401 - T1.2024

STT	Chứng từ		Hóa đơn		Chi tiêu		Loại hình		Hạng mục		Số kê khai		Số phê duyệt									
	Ngày	Số	Loại	Mã	Ngày	Thuế suất	Mẫu-Seri	Số	MST	Tên khách	Chi tiêu phí	Diễn giải	Số lượng	Tổng tiền	Chưa thuế	Thuế GTGT	BVMT	Số lượng	Tổng tiền	Chưa thuế	Thuế GTGT	BVMT
TỔNG CỘNG																						
Ngày giờ in: 18/5/2024 16:34																						
CỬA HÀNG TRƯỞNG						PHÒNG KẾ TOÁN						GIÁM ĐỐC										

Khi kích chọn vào Link Số chứng từ hệ thống tự động hiển thị chứng từ kê khai

Lưu ý: Thông tin "Diễn giải": ưu tiên lấy "Diễn giải" được cập nhật chi tiết từng chi tiêu. Nếu không cập nhật chi tiết thì lấy diễn giải tổng cập nhật ở "Ghi chú"

7.10. Tổng hợp tình hình định mức chi phí

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương / B/cáo CH/ Tổng hợp tình hình định mức chi phí

7.11. Bảng kê chi tiết chi phí khoán đã quyết toán

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương / B/cáo CH/ Bảng kê chi tiết chi phí khoán đã quyết toán

CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU QUẢNG NAM

[Chọn nhanh] v Từ ngày: 30/6/2025 Đến ngày: 31/7/2025

Cửa hàng : 401003

Chỉ tiêu : Tìm ghi chú :

☐ Loại trừ BK9, BK10

Chọn đầu ra : HTML > ☐ Close after print

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH ĐỊNH MỨC CHI PHÍ
Từ ngày 30/6/2025 đến ngày 31/7/2025

#	Cửa hàng/Chỉ tiêu chi phí	ĐVT	Định mức	Số đã phê duyệt	Số còn lại
			Lượng Tiền	Lượng Tiền	Lượng Tiền
1	401003 - PETROLIMEX-CỬA HÀNG 03		41.953.948		
1	CP.Bao_quan - Chi phí s.chữa nhỏ, b.quân khác	VND	504.000		
2	CP.Hanh_chinh02 - Chi phí văn phòng khác	VND	462.963		
3	CP.TIEN_DIEN - Chi phí tiền điện	VND	4.214.224		
4	CP.Tiep_thi01 - Chi phí Quảng cáo, Tiếp thị,...	VND	11.378.731		
5	CP.Tiep_thi01_DMN - CP Q.cáo, Tiếp thị (DMN)	VND	6.500.000		
6	CP.Tiep_thi01_GAS - Chi phí Q.cáo, Tiếp thị.. (GAS)	VND	9.490.555		
7	CP.Tiep_thi02_DMN - Chi phí vận chuyển (DMN)	VND	1.046.342		
8	CP.Tiep_thi02_GAS - Chi phí vận chuyển (GAS)	VND	2.057.985		
9	CP.Van_phong01 - Chi phí văn phòng phẩm	VND	2.175.000		
10	CP.Van_phong01_GAS - Chi phí văn phòng phẩm (GAS)	VND	1.388.889		
11	CP.Van_phong03 - CPKD - Chi phí văn phòng khác (Nước uống)	VND	2.226.000		
12	CP.Ve_sinh - Chi phí vệ sinh môi trường	VND	509.259		
	TỔNG CỘNG		41.953.948		

7.12. Bảng kê tổng hợp chi phí khoán đã quyết toán

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương / B/cáo CH/ Bảng kê tổng hợp chi phí khoán đã quyết toán

Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu - Cty XD KV1 - Cty TNHH MTV
Cửa hàng xăng dầu số 36(LienNTB)

Cửa hàng : 212036,212037,212040,212041,212042,212043

Kỳ thanh toán : 1810 - Tháng 10-2018

Chọn đầu ra : HTML > ☐ Close after print

BẢNG KÊ TỔNG HỢP CHI PHÍ KHOẢN ĐÃ QUYẾT TOÁN
Kỳ thanh toán: 1810 - Tháng 10-2018

STT	Cửa hàng	Số chi phí đã duyệt			Số thanh toán đã duyệt	Chênh lệch
		Lượng	Số tiền chưa thuế	Tổng tiền		
1	Cửa hàng xăng dầu số 36(LienNTB)	11,647.07	51,158,011	56,233,952	56,233,952	
2	Cửa hàng xăng dầu số 37	7,002,140.00	53,660,072	58,636,942	58,636,942	
3	Cửa hàng xăng dầu số 41	4,540,636.00	112,971,923	124,269,117	124,269,117	
4	Cửa hàng xăng dầu số 42	34,280.05	124,448,410	136,721,963		136,721,963
5	Cửa hàng xăng dầu số 43	364,242.00	941,802,292	1,038,364,911		1,038,364,911
	TỔNG CỘNG	11,952,945.12	1,284,040,708	1,414,226,885	239,140,011	1,175,086,874

7.13. Bảng kê tổng hợp chi phí

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương / B/cáo CH/ Bảng kê tổng hợp chi phí

Xi nghiệp bán lẻ xăng dầu - Cty XD KV1 - Cty TNHH MTV
Cửa hàng: 212036
Kỳ thanh toán:
Chỉ tiêu:
Năm: 2018
Chọn đầu ra: HTML

BẢNG KẾ TỔNG HỢP SỐ TIỀN CHI PHÍ
Năm 2018

STT	Cửa hàng/Kỳ thanh toán	Số kế khai		Định mức còn lại		Số phê duyệt		Chênh lệch		Ghi chú
		Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	
1	212036 - CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 36 (LIÊN TB)	111,590.87	643,700,285	1,113,769.68	18,125,826,577	6,558,487.57	198,451,259	6,464,285.52	(17,478,146,710)	
1.1	Tháng 1-2018	25.00	4,885,900	100.00	65,909,001	25.00	4,885,900	(75.00)	(81,014,101)	
1	CP Tiếp khách		2,000,000		20,000,000		2,000,000		(18,000,000)	
2	CP Văn phòng phẩm_NĐM		1,109,554		5,100,000		1,109,554		(3,990,446)	
3	CP hành chính		1,500,000		25,000,001		1,500,000		(23,500,001)	
4	CP test				10,000,000					
5	CP Điện chiếu sáng 01	25.00	200,000	8,000.00	800,000	25.00	200,000	(75.00)	(600,000)	
6	CP đặc hai		76,346		5,000,000		76,346		(4,923,654)	
1.2	Tháng 2-2018	30.00	360,000	75.00	60,788,101	30.00	360,000	(45.00)	(23,628,001)	
1	CP Tiếp khách				18,000,000					
2	CP Văn phòng phẩm_NĐM				3,990,446					
3	CP hành chính		200,000		23,500,001		200,000		(23,300,001)	
4	CP test				10,000,000					

7.14. Các báo cáo tích hợp

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương / B/cáo CH/ Tích hợp

8. CÁC CÂU HỎI THƯỜNG GẶP

8.1. Danh sách các quyền để thực hiện các chức năng tại phân hệ chi phí

Với các user Cửa hàng trưởng: Piacom tự động phân quyền CEN4 để cửa hàng cập nhật chi phí. Với các User khác, đơn vị chủ động phân quyền cho User theo từng nhóm quyền sau:

- Danh sách các quyền cho Cửa hàng
 - o CEN2 - Giao chi phí khoán
 - o CEN4 - Cửa hàng trưởng
 - o CEN8 - Cửa hàng phê duyệt
- Danh sách các quyền cho Văn phòng
 - o CEN0 - Chi phí (Administrator)
 - o CEN1 - Danh mục chi phí
 - o CEN2 - Giao chi phí khoán
 - o CEN4 - Cửa hàng trưởng
 - o CEN5 - Văn phòng phê duyệt (Gồm quyền “phê duyệt chi phí” và “tích hợp chi phí”)
 - o CEN6 - Tích hợp chi phí (Có quyền “Tích hợp chi phí”, không có quyền “phê duyệt chi phí”)

8.2. Cách tạo một chỉ tiêu chi phí mới từ một chỉ tiêu chi phí có sẵn

Mục đích: Khai báo thêm một chỉ tiêu chi phí mới, Copy toàn bộ các thông tin của chỉ tiêu chi phí có sẵn.

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Cấu hình/Chỉ tiêu lương, chi phí, quỹ lương

Cách thực hiện:

Bước 1: Chọn Chỉ tiêu chi phí cần copy thông tin bằng cách nhấn vào link Mã chỉ tiêu tương ứng

Chỉ tiêu lương, chi phí, quỹ lương

Show 100 lines [IMPORT] [?]

Thêm Tìm Any

[Hạng mục phí khoản] [Phương thức] [Loại chi phí] [Target] [Duyệt định mức]

Mã	Diễn giải	Hạng mục phí khoản	Phương thức	Loại chi phí	ĐVT	Hệ số/Định mức	run-Order	Cen-Ref
1 CP_03	Chi phí ăn ca	CPSXC003 - CPSXC - Chi phí ăn giữa ca	1	1	VND	1.00000 0		ALL_INV
2 CP_07	CP trực đêm	CPKD008 - CPKD - Phí Khác	1	1	VND	1.00000 0		ALL_INV
3 CP_06	CP đặc hai	CPKD001 - CPKD - CP bảo dưỡng đặc hai	1	1	VND	1.00000 0		ALL_INV
4 CP_05	CP Tiếp khách	CPKD009 - CPKD - Chi phí hỗ trợ bán hàng	1	1	VND	1.00000 0		ALL_INV
5 CP_04	CP Văn phòng phẩm	CPKD013 - CPKD - Chi phí văn phòng phẩm	1	1	VND	1.00000 0		ALL_INV
6 CP_03	CP hành chính		1	1	VND	1.00000 0		ALL_INV
7 CP_02	CP Nước	CPSXC002 - CPSXC - ĐVMN - Tiền nước	1	1	M3	1.00000 0		ALL_INV
8 CP_01	CP Điện chiếu sáng	CPSXC001 - CPSXC - ĐVMN - Tiền điện	1	1	Kwh	1.00000 0		ALL_INV
9 28_KV1 DMN	CP hỗ trợ bán hàng	CPKD009 - CPKD - Chi phí hỗ trợ bán hàng	1	1	VND	1.00000 0		
10 27_KV1	CP khác (biên điện thuế ĐD)	CPSXC001 - CPSXC - ĐVMN - Tiền điện	1	1	VND	1.00000 0		ALL_INV
11 26_KV1 HHK	CP hỗ trợ bán hàng	CPKD009 - CPKD - Chi phí hỗ trợ bán hàng	1	1	VND	1.00000 0		

Bước 2:

- Kích chọn nút  để nút “Lưu” đổi thành “Save As (Ctrl+S)”
- Sửa lại các thông tin cần thay đổi của chỉ tiêu chi phí mới và Kích chọn nút “Save As (Ctrl+S)”

Chỉ tiêu lương, chi phí, quỹ lương

 Save As (Ctrl-S) Xóa Back [?]

Mã CP_09 (*)

Diễn giải Chi phí Khác

Hạng mục phí khoản CPKD008 - CPKD - Phí Khác

LHKD 01 - Xăng dầu

ĐVT VNĐ (*)

Phương thức kê khai trực tiếp (*)

Hệ số/Định mức 1.00000 (*)

Đơn giá 1

Cộng/Trừ Cộng

Loại chi phí Trực tiếp

☒ Kê khai hóa đơn

run-Order 0

Loại chấm công

☐ Xếp hạng lao động

Variant 1

CEN-REF ALL_INV

Target Cửa hàng (*)

Duyệt định mức khoản Không theo định mức (*)

Main SQL

Qty Expression

Factor Expression

Qty SQL

Factor SQL

8.3. Mối quan hệ giữa Kỳ quyết toán và Kỳ thanh toán

- Kỳ Quyết toán, Kỳ Thanh toán được khai báo theo khoảng thời gian Từ ngày, Đến ngày. Kỳ thanh toán là tập con của Kỳ quyết toán.
 - o Kỳ quyết toán là kỳ giao định mức cho các chỉ tiêu chi phí, là tháng/ hoặc quý/ hoặc năm. Tùy và phương án khoán người dùng sẽ chọn kỳ quyết toán cho từng chỉ tiêu chi phí tương ứng.

- Kỳ thanh toán là kỳ để thanh toán các khoản chi phí cho cửa hàng. Một kỳ quyết toán có thể bao gồm một/ hoặc nhiều kỳ thanh toán.
- Giao chi phí khoán theo Kỳ quyết toán. Thanh toán chi phí theo Kỳ thanh toán.

8.4. Cách tạo một Kỳ thanh toán mới từ một Kỳ thanh toán có sẵn

Mục đích: Khai báo thêm một kỳ thanh toán mới, Copy toàn bộ các thông tin của kỳ thanh toán có sẵn.

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Danh mục/Kỳ Thanh toán

Cách thực hiện: Giống với cách tạo một chỉ tiêu chi phí mới từ một chỉ tiêu chi phí có sẵn.

Chú ý: Chỉ thực hiện Save-As từ các kỳ thanh toán có trạng thái = “Mở kỳ” tại tất cả các Cửa hàng (chưa CH nào gửi đề nghị phê duyệt chi phí). Nếu thực hiện Save-As từ kỳ thanh toán đã được CH gửi đề nghị phê duyệt thì kỳ thanh toán mới tạo cũng sẽ tự động để ngày đề nghị phê duyệt = ngày đề nghị phê duyệt của kỳ thanh toán được Save-As.

8.5. Giao chi phí khoán theo chỉ tiêu tổng nhưng thanh toán theo từng khoản chi tiết thì thực hiện như thế nào?

Mục đích:

- Vpcty giáo chi phí khoán cho CH theo số Số Tổng của nhiều Hạng mục phí.
- CH thực hiện kê khai chi phí theo các hạng mục chi tiết sao cho tổng các Hạng mục chi tiết không vượt quá Số tổng được giao.

Ví dụ:

Vpcty/CN giao khoán cho CH theo chỉ tiêu chi phí: Chi phí hành chính. Khi thanh toán cho Chi phí hành chính, CH kê khai các khoản chi tiết bao gồm:

- Chi phí điện thoại
- Chi phí Văn phòng phẩm.

Cách thực hiện:

Bước 1: VP tạo chỉ tiêu “Chi phí hành chính” và bỏ trống trường thông tin “Hạng mục phí khoán”

Chỉ tiêu lương, chi phí, quỹ lương

User: 212admin (Ver)

Mã CP_03 (*)

Diễn giải CP hành chính

Hạng mục phí khoán

LHKD

ĐVT VNĐ (*)

Phương thức Kế khai trực tiếp (*)

Hệ số/Định mức 1.00000 (*)

Đơn giá 1

Cộng/Trừ Cộng

Loại chi phí Trực tiếp

☒ Kế khai hóa đơn

run-Order 0

Loại chấm công

☐ Xếp hạng lao động

Variant 1

CEN-REF ALL_INV

Target Cửa hàng (*)

Duyệt định mức khoán Không theo định mức (*)

Main SQL

Qty Expression

Factor Expression

Qty SQL

Factor SQL

Bước 2: VP tạo các “Hạng mục chi phí”: Chi phí điện thoại, Chi phí Văn phòng phẩm

Hạng mục chi phí khoán

Show 100 lines [IMPC]

Thêm Lưu (Ctrl-S) Refresh Tìm: Any

Mã	Tên	Nhóm chi phí
CP_0302	Chi phí Văn phòng phẩm	6417081800 - CPKD - Phí Khác
CP_0301	Chi phí Điện thoại	6417123000 - CPKD - DVMN-Tiền DV thông tin liên lạc, viễn thông
3 CPSXC003	CPSXC - Chi phí ăn giữa ca	6271121000 - CPSXC - Chi phí ăn giữa ca
4 CPSXC002	CPSXC - DVMN - Tiền nước	6277112000 - CPSXC - DVMN - Tiền nước
5 CPSXC001	CPSXC - DVMN - Tiền điện	6277111000 - CPSXC - DVMN - Tiền điện
6 CPKD018	CPKD - Chi phí Q.cáo,T.thị-Khác-HKM (ht thủ công)	6418161800 - CPKD - Chi phí Q.cáo,T.thị-Khác-HKM (ht thủ công)
7 CPKD017	CPKD-CP công tác nhiên liệu định mức CNV đi C.tác	6418132410 - CPKD-CP công tác nhiên liệu định mức CNV đi C.tác

Bước 3: Khi cập nhật chứng từ chi phí, Cửa hàng chọn chỉ tiêu phí = “Chi phí hành chính” và chọn “Hạng mục phí” trong danh sách.

Hóa đơn chi phí khoán bán lẻ

Ngày: 10/5/2018 Ghi chú (header):

Phân kế chi phí khoán Hóa đơn GTGT

Kỳ thanh toán 1801 - Tháng 01/2018 Ghi chú:

Chỉ tiêu chi phí	Số lượng	Loại hình KD	Hạng mục phí	Số tiền
CP_03 - CP hành chính (@VNĐ)	0		CP_0302 - Chi phí Văn phòng phẩm	X
	0		CP_0301 - Chi phí Điện thoại	X
	0		CPSXC003 - CPSXC - Chi phí ăn giữa ca	X
	0		CPKD001 - CPKD - CP bồi dưỡng độc hại	X
	0		CPKD002 - CPKD - Sửa chữa tự làm TSCĐ khác	X
	0		CPKD003 - CPKD - Bảo quản - Vệ sinh CN môi trường	X
	0		CPKD004 - CPKD - Bảo quản - Cắt cỏ, trồng cây	X
	0		CPKD005 - CPKD - Bảo quản - Kiểm định	X
	0		CPKD006 - CPKD - Bảo quản - Khác	X
	0			X
	0			X
	0			X
	0			X

8.6. Cách thực hiện giao chi phí bằng cả Excel và Load định mức kỳ trước

Bước 1: Thực hiện Import từ file excel ([Tai mục 5.1.2](#))

Bước 2: Sau khi toàn bộ dữ liệu từ file excel được Import vào hệ thống. Thực hiện Load dữ liệu từ kỳ trước ([Tai mục 5.1.1](#))

Chú ý:

- Trường hợp đơn vị đã Load chi phí khoán từ kỳ trước sang, muốn Import thêm dữ liệu từ Excel. Nếu các chỉ tiêu trong file Excel đã được giao trên hệ thống, đơn vị cần phải xóa chỉ tiêu trên hệ thống trước khi Import dữ liệu từ Excel vào.

8.7. Mở kỳ kế toán riêng cho các chứng từ chi phí

Để thực hiện mở kỳ kế toán riêng cho các chứng từ chi phí, người dùng sử dụng chức năng “Mở kỳ kế toán” theo từng phương thức. Cách thực hiện như sau:

Bước 1: Vào menu: Quản trị hệ thống/ Mở kỳ kế toán theo phương thức

Bước 2: Khai báo “Kỳ kế toán” cho các phương thức liên quan đến chi phí: BK3, BK5, BK9, GL5, TT5 như sau:

- **TH1:** Tại màn hình mở kỳ thanh toán, nếu chưa có phương thức cần khóa, người dùng Kích chọn nút “Thêm”. Thực hiện khai báo kỳ kế toán theo từng phương thức và lưu lại.

STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Mã	Mã phương thức	BK3	Tự nhập	X
2	Tên	Tên phương thức	Hóa đơn chi phí khoán bán lẻ	Tự nhập	X
3	Loại chứng từ	Mã phương thức – Tên phương thức	BK3- Hóa đơn chi phí khoán bán lẻ	Chọn trong danh sách	X
4	Từ ngày	Ngày bắt đầu hiệu lực	01/01/2018	Tự nhập	X
5	Đến ngày	Ngày hết hiệu lực	31/12/2018	Tự nhập	X

Chú ý:

- Trường hợp cần khóa riêng “kỳ kế toán” theo từng CH, người dùng thực hiện khai báo cửa hàng tại tab “Assign To Pos”.
- Nếu cửa hàng không được khai báo tại tab “Assign To Pos” thì hệ thống chặn “Kỳ kế toán” theo điều kiện khai báo ở trên

Mở kỳ kế toán

<> Lưu (Ctrl-S) Xóa Back ? User:

Mã BK3 (*)

Tên Hóa đơn chi phí khoán bán lẻ (*)

Loại chứng từ BK3 - Hóa đơn chi phí khoán bán lẻ (*)

Từ ngày 1/1/2018 (*)

Đến ngày 31/12/2018 (*)

Assign POS

Assign To POS

/Hóa đơn chi phí khoán bán lẻ

Thêm Lưu (Ctrl-S) Refresh

Mã	Kỳ kế toán	Cửa hàng	Từ ngày	Đến ngày
1 212007	Hóa đơn chi phí khoán bán lẻ	212036 - Cửa hàng xăng dầu s	14/12/2018	14/12/2018

- **TH2:** Tại màn hình mở kỳ thanh toán đã có phương thức cần khóa, người dùng thực hiện kích vào mã chứng từ và sửa lại thời gian từ ngày...đến ngày... về khoảng thời gian mong muốn.

Mở kỳ kế toán

Thêm

Mã	Tên	Loại chứng từ	Từ ngày	Đến ngày
1 BK3	Hóa đơn chi phí khoán bán lẻ	19473296	1/1/2018	31/12/2018
2 BK5	Biên lai, biên nhận	19473311	1/1/2018	31/12/2018

Ghi chú:

Trên hệ thống Egas thiết kế 2 chức năng “Mở kỳ kế toán” cho các CH.

- Chức năng 1: Mở kỳ kế toán theo Cửa hàng

Mở kỳ kế toán

Lưu (Ctrl-S) Refresh Thông số, mã CHXD:

Trang 1 ▾ Đến trang: 1 2

	Thông số ▾	Ngày ▾	Mã đơn vị ▾	
1	PERPOSTFROM	1/1/2017	212 000	☐
2	PERPOSTTO	31/5/2018	212 000	☐
3	PERPOSTFROM	1/1/2017	212 001	☐
4	PERPOSTTO	31/12/2018	212 001	☐
5	PERPOSTFROM	1/1/2017	212 004	☐
6	PERPOSTTO	31/12/2018	212 004	☐
7	PERPOSTFROM	1/1/2017	212 005	☐
8	PERPOSTTO	31/12/2018	212 005	☐
9	PERPOSTFROM	1/1/2017	212 006	☐

- Chức năng 2: Mở kỳ kế toán theo phương thức

Mở kỳ kế toán

<> Lưu (Ctrl-S) Xóa Back (?) User: 2

Mã BK3 (*)

Tên Hóa đơn chi phí khoán bán lẻ (*)

Loại chứng từ BK3 - Hóa đơn chi phí khoán bán lẻ ▾ (*)

Từ ngày 1/1/2018 (*)

Đến ngày 31/12/2018 (*)

Assign POS

Assign To POS

/Hóa đơn chi phí khoán bán lẻ

Thêm Lưu (Ctrl-S) Refresh

Mã	Kỳ kế toán ▾	Cửa hàng ▾	Từ ngày ▾	Đến ngày ▾
1 212007	Hóa đơn chi phí khoán bán lẻ	212036 - Cửa hàng xăng dầu s	14/12/2018	14/12/2018

Khi kiểm tra “Kỳ kế toán” của một chứng từ, Hệ thống thực hiện như sau:

- Kiểm tra “Kỳ kế toán” tại “chức năng 2”.
 - Nếu tại “chức năng 2” không khai “kỳ kế toán” cho phương thức: Chứng từ sẽ được chặn theo điều kiện được khai báo tại “chức năng 1”.
 - Ngược lại, nếu tại “chức năng 2” có khai báo “Kỳ kế toán” cho phương thức của chứng từ
 - Ưu tiên kiểm tra “kỳ kế toán” tại tab “Assign To Pos” theo Cửa Hàng (vùng3)
 - Nếu không khai báo “Kỳ kế toán” riêng cho CH, hệ thống chặn theo điều kiện khai báo ở trên (vùng 2)

===== o0o =====